

CHƯƠNG IX

CHÍN KỆ

(*NAVANIPĀṬA*)

§427. CHUYỆN CHIM THỮU (*Gijjhajātaka*)¹ (J. III. 483)

Được làm bằng đám gỗ chêngh vênh...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo bất tuân giới luật.

Chuyện kể rằng vị ấy là thiện gia nam tử và được truyền giới vào giáo pháp đưa đến giải thoát; được các vị Pháp sư, Giáo sư đầy thiện chí cùng các đồng Phạm hạnh giáo giới như vậy:

– Hiền giả phải đi tới hay đi lui như vậy, phải nhìn thẳng hay nhìn nghiêng như vậy, cánh tay phải duỗi ra hay co lại như vậy, các y trong và y ngoài phải được mang như vậy, bình bát phải được cầm như vậy. Khi Hiền giả nhận đủ các thức ăn để nuôi thân, sau khi tự quán sát, Hiền giả phải thọ dụng nó như vậy, hộ phòng các căn như vậy. Hiền giả phải tiết độ trong ăn uống và tỉnh giác. Hiền giả phải nhận thấy các bốn phạm như vậy đối với chư Tăng đến và đi khỏi tinh xá. Đây là mười bốn quy tắc về phạm sự của Tỷ-kheo và tám mươi trọng giới phải hoàn thành đúng đắn. Đây là mười ba pháp thực hành đầu-đà (*dhuta*) về nếp sống căn trọng. Tất cả các giới điều này phải được hoàn thành một cách nghiêm túc!

Tuy thế, vị ấy bất tuân giới luật và thiếu kham nhẫn, không chịu thọ giáo một cách kính cẩn và không tuân lời thầy, lại bảo:

– Tôi không chỉ trích các vị. Tại sao các vị nói với tôi như vậy? Tôi biết điều gì ích lợi cho tôi và điều gì không ích lợi.

Tăng chúng nghe được sự bất tuân giới luật của ông ta liền kể lại các lỗi lầm của ông trong lúc các vị ngồi tại pháp đường.

Bậc Đạo sư bước vào, hỏi các vị đang bàn luận đề tài gì và truyền gọi Tỷ-kheo ấy đến hỏi:

– Này Tỷ-kheo, tại sao khi đã được truyền giới vào giáo pháp đưa đến giải thoát, ông lại không nghe lời dạy của các vị Giáo thọ sư có thiện ý kia? Ngày

¹ Xem J. III. 255, *Migālopajātaka* (Chuyện chim thừ Migālopa), số §381.

xưa, ông cũng đã không nghe lời dạy của các Trí giả và gặp cuồng phong Verambā thổi tan thành tro bụi.

Sau đó, Ngài kể lại chuyện đời xưa.

Một thuở nọ, Bồ-tát được sinh làm chim thú (kên kên) trên núi Linh Thú. Bảy giờ, con của ngài là Supatta, thú vương, cường tráng, đầy dũng lực và có đám tùy tùng nhiều ngàn chim thú. Thú vương phụng dưỡng song thân. Do có sức mạnh, thú vương thường bay rất xa. Chim thú cha vẫn thường khuyên nhủ:

– Nay con thân, con đừng bay xa quá những dặm này.

Thú vương đáp:

– Được lắm, thưa cha.

Nhưng một hôm trời mưa, thú vương bay cùng các chim thú khác, rồi rời đàn phía sau, một mình vượt giới hạn đã được khuyên bảo nên thú vương bay vào cuồng phong Verambā và bị thổi tan thành tro bụi.

Với tôi thắng trí, đức Phật ngâm các vần kệ này minh họa các sự kiện trên:

1. Được làm bằng đám gỗ chênh vênh,
Một lối đi xưa cũ dẫn lên,
Những đỉnh núi non cao chót vót,
Thú con nuôi dưỡng các thân sinh.
2. Đôi cánh hùng cường đầy dũng lực,
Thú đem mỡ rắn tặng song thân,
Khi cha nhìn thú bay cao quá,
Liều lĩnh du hành, vậy dạy rắn.
3. “Khi con quan sát, hỡi con thân,
Quả địa cầu tròn với đại dương,
Bao bọc chung quanh, đừng tiến nữa,
Trở về ngay nhé, khẩn cầu con!”
- 4-5. Thú vương thường cất cánh lên cao,
Bay lượn vòng quanh cõi địa cầu,
Với nhãn quan tinh tường thấu suốt,
Thú con thấy rõ các rừng sâu,
Núi non phía dưới cao vời vợi,
Quả đất giống cha tả biết bao.
- 6-7. Một quả cầu tròn giữa đại dương,
Nhưng khi vượt quá mức thông thường,

Dẫu là chim thú đầy oai lực,
 Một trận đại phong thật nộ cuồng,
 Đã thôi thú tan tành bỏ mạng,
 Bất tài không địch nổi cuồng phong.

8-9. Như vậy thú con bởi bất tuân,
 Tử vong bỏ mặc cả song thân,
 Kẻ nào khinh bỉ người già cả,
 Chế nhạo lời khuyên của trí nhân,
 Cũng chết như chim khinh bậc trí,
 Xem thường giới hạn bởi kiêu căng.

– Vì vậy, này Tỷ-kheo, đừng giống như chim thú này mà phải tuân theo lời dạy của những người đầy thiện ý.

Khi được bậc Đạo sư giáo huấn như trên, từ đó về sau vị ấy biết vâng lời thầy.

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Chim thú bất tuân lệnh ngày xưa là vị Tỷ-kheo không vâng lời ngày nay và chim cha chính là Ta.

§428. CHUYỆN Ở KOSAMBĪ (*Kosambījātaka*)² (J. III. 486)

Khi Giáo hội bị phân chia hai nhóm...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại lâm viên Ghosita (Cù-sur-la) gần Kosambī (Kiều-thường-di) về một đám người tranh chấp nhau ở Kosambī. Sự kiện dẫn đến chuyện này có thể tìm được trong phần *Luật tạng* liên hệ đến Kosambī.³ Sau đây là nội dung tóm tắt câu chuyện.

Tương truyền, thời ấy có hai Tỷ-kheo sống cùng một tinh xá, một vị thông hiểu giới luật và vị kia thông hiểu kinh điển. Một hôm, vị thứ hai có dịp đến chỗ rửa mặt, đi ra và bỏ sót một ít nước thừa để súc miệng trong cái ghè. Sau đó, vị thông hiểu giới luật đi vào và thấy nước, liền đi ra hỏi bạn xem có phải vị ấy đã để nước lại đó chẳng. Ông đáp:

– Thưa Hiền giả, vâng.

² Tham chiếu: J. III. 211, *Dīghitikosajātaka* (Chuyện Hoàng tử con Vua Dīghiti xứ Kosala), số §371; M. III. 152, *Upakkilesasutta* (Kinh Tùy phiên nào); Dh. v. 3-6, 328-30; Ud. 61, *Sadhāyamaṇasutta* (Kinh Lời nhắc nhở); Sn. 6, *Khaggavisāṇasutta* (Kinh Con tê ngưu một sừng); Thag. v. 275, 494; Vin. I. 337; Trường Thọ Vương bốn khởi kinh 長壽王本起經 (T.01. 0026.72. 0532c09); *Pháp cú kinh* “Song yếu phẩm” 法句經雙要品 (T.04. 0210.9. 0562a11); *Pháp cú kinh* “Tượng dụ phẩm” 法句經象喻品 (T.04. 0210.31. 0570b10); *Pháp cú thị dụ kinh* “Giáo học phẩm” 法句譬喻教學經 (T.04. 0211.2. 0577a15); *Xuất diệu kinh* “Phản nộ phẩm” 出曜經忿怒品 (T.04. 0212.15. 0693b19); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Oán gia phẩm” 法集要頌經怨家品 (T.04. 0213.14. 0784a14).

³ Xem Mv. X. 340.

– Sao, thế Hiền giả không biết đó là lỗi lầm ư?

– Không, tôi không biết.

– Này Hiền giả, đó là lỗi lầm.

– Thế thì tôi sẽ sám hối việc ấy.

– Song nếu Hiền giả không có ý làm việc ấy thì đó không phải lỗi lầm.

Như vậy, vị ấy là người không thấy lỗi lầm trong một việc có lỗi lầm. Vị thông hiểu giới luật bảo các đệ tử mình:

– Vị thông hiểu kinh điển này dù đã phạm lỗi lầm lại không biết việc ấy.

Khi gặp các đệ tử của vị Tỷ-kheo kia, họ bảo:

– Thầy của các vị dù phạm lỗi lầm lại không nhận ra lỗi lầm.

Chúng đệ tử này đi về thưa lại với thầy. Vị ấy bảo:

– Vị thông hiểu giới luật này trước kia bảo đó không phải lỗi lầm, nay lại bảo đó là lỗi lầm. Vị này là kẻ nói dối.

Chúng đệ tử này đi nói với chúng đệ tử kia:

– Thầy của các vị là kẻ nói dối!

Do đó, hai nhóm gây sự tranh cãi lẫn nhau. Về sau, vị thông hiểu giới luật tìm được cơ hội đưa ra một hình thức tẩn xuất vị Tỷ-kheo đã không chịu nhận thấy sự vi phạm giới luật của mình.

Từ đó về sau, các cư sĩ cung cấp bốn vật dụng cần thiết cho Tăng chúng cũng chia ra hai phe. Các Tỷ-kheo-ni nhận sự giáo huấn của các Tỷ-kheo, các vị thần hộ pháp cùng các thân hữu quyến thuộc của họ, cùng chư thiên lên đến tận cõi Phạm thiên, thậm chí cả nhóm người ngoại đạo cũng họp thành hai phái và tiếng huyên náo vang lên đến toàn cõi Phạm thiên.

Sau đó, một Tỷ-kheo đến gần đức Như Lai và thông báo quan điểm của phe tẩn xuất là: “Người kia bị tẩn xuất theo đúng Chánh pháp”, và quan điểm của những kẻ theo phe người bị tẩn xuất là: “Người ấy bị tẩn xuất một cách phi pháp.” Cùng sự kiện, một số người dù bị phe tẩn xuất cấm đoán vẫn tụ họp lại để ủng hộ vị ấy. Đức Thế Tôn bảo:

– Có sự chia rẽ, quả thật có sự chia rẽ trong Giáo hội.

Ngài đến gặp hai phe, nêu rõ sự tai hại trong vấn đề tẩn xuất đối với những người tẩn xuất, cùng sự nguy hại theo sau sự che giấu lỗi lầm đối với phe kia, rồi Ngài ra đi.

Lần khác, khi hội chúng thực hành lễ Bố-tát cùng các Tăng sự khác trong cùng một nơi, trong một khu vực và lại tranh cãi ở trai đường cùng nhiều nơi khác, Ngài liền đưa ra điều luật rằng họ phải ngồi lại với nhau thảo luận lần lượt từng người một từ mỗi phe. Khi nghe họ vẫn tranh cãi trong tinh xá, Ngài đến bảo:

– Thôi đủ rồi, này các Tỷ-kheo, chúng ta không được tranh cãi!

Một vị trong phe phi chính thống không muốn phiên nhiều đức Thế Tôn, liền thưa:

– Xin đức Thế Tôn hãy về tịnh xá! Mong đức Thế Tôn được an tịnh độ cư, thọ hưởng diệu lạc đã chứng đắc ngay tại đời này! Chúng con sẽ tự làm cho chính bản thân ô danh vì cuộc khẩu tranh, luận tranh, đấu tranh, giao tranh này.

Nhưng bậc Đạo sư bảo họ:

– Này các Tỷ-kheo, ngày xưa, Vua Brahmadatta, quốc vương ở Kāsi, trị vì tại Ba-la-nại, đã chiếm đoạt vương quốc của Vua Dīghati ở Kosala và giết vua ấy, trong lúc vua ấy đang sống ân tích mai danh. Đến khi Vương tử Dīghāvu tha mạng Vua Brahmadatta, hai vị trở thành thân hữu trở về sau. Như vậy, chắc hẳn có nhiều khổ đau và thân ái giữa hai vị vua mang kiếm trượng ấy. Quả thật, này các Tỷ-kheo, các ông cần hiểu rõ rằng các ông đang sống đời tu tập theo Pháp và Luật được khéo giảng, thì các ông có thể tha thứ và bày tỏ từ tâm đối với nhau.

Giáo huấn Tăng chúng đến lần thứ ba, Ngài bảo:

– Thôi đủ rồi, này các Tỷ-kheo, không được tranh chấp nữa!

Và khi Ngài thấy họ không ngừng lại trước lệnh của Ngài, Ngài ra đi và bảo:

– Quả thật bọn người ngu si này giống như bị quỷ ám, chúng không dễ được thuyết phục.

Hôm sau, khi đi khát thực về, Ngài nghỉ trong hương phòng và sắp đặt phòng cho thứ tự, rồi cầm y bát, Ngài đứng trên không và ngâm các vần kệ này giữa hội chúng:

10. Khi Giáo hội bị phân chia hai nhóm,
Dân chúng thường mở lớn miệng kêu vang,
“Mỗi người đều tự tin tưởng khôn ngoan,
Và nhìn kẻ láng giềng đầy khinh bỉ.”
11. Tâm mê muội chứa đầy niềm tự thị,
Chúng mở mồm phạm thượng thật si cuồng,
Vậy là do khẩu nghiệp, chúng sai đường,
Chúng không biết ai dẫn đầu ra lệnh.
12. “Người này nhục mạ tôi, người kia đánh,
Người thứ ba chiến thắng, cướp bóc tôi!”
Những ai mang tư tưởng ấy trong người,
Không hề muốn giảm dần niềm sân hận.
13. “Xưa nó nhục mạ tôi và đánh đấm,
Nó thắng tôi và đàn áp tôi hoài!”
Ai chẳng mang ý tưởng đó trong người,
Sẽ xoa dịu hận thù, đem hòa hợp.

- 14-15. Không hận thù, chỉ tình thương đơn độc,
Làm hận thù tiêu diệt, luật ngàn năm,
Một số người khinh bỉ pháp điều thân,
Song kẻ biết giải hòa là chí thiện.
16. Nếu những kẻ bị thương trong tử chiến,
Cùng những người cướp của, đoạt mạng dân,
Và những ai tàn phá nước lân bang,
Nay có thể cùng cự thù thân thiết.
17. Thế tại sao chúng Tăng không hòa hiệp,
Các ông nên tìm đồng bạn trí hiền,
Kẻ đồng tâm để chung sống bình yên,
Hiểm họa hết, bên người đồng tâm tính,
Ông suốt ngày hân hoan trong thiền định!
18. Song nếu ông không gặp bạn thân tình,
Thượng sách là ông phải sống một mình,
Như hoàng tử bỏ ngai vàng điện ngọc,
Hay voi già bước lang thang cô độc.
19. Vậy ưu tiên chấp nhận sống độc thân,
Bầu bạn ngu chỉ dẫn đến tranh phân,
Hay đeo đuổi đường đời trong phóng dật,
Như voi nọ trong rừng hoang đi lạc.

Khi bậc Đạo sư đã nói như vậy xong và Ngài vẫn không giải hòa được hội chúng này, Ngài liền đi đến làng Bālaka, nơi làm muối và thảo luận với Tôn giả Bhagu về sự an lạc của độc cư. Sau đó, Ngài lại đến nơi cư trú của ba thiện gia nam tử và nói chuyện với họ về hạnh phúc hòa hợp. Rồi Ngài du hành đến rừng Pārileyyaka, cư trú tại đó ba tháng và đi về thẳng Sāvatthi chứ không trở lại Kosambī. Quần chúng cư sĩ ở Kosambī thảo luận với nhau và bảo nhau:

– Hiền nhiên các Tôn giả Tỷ-kheo ở Kosambī đã làm hại chúng ta rất nhiều, bậc Đạo sư bị các vị ấy quấy nhiễu nên ra đi. Chúng ta quyết không trân trọng kính chào các vị ấy, cũng không cúng dường vật thực khi họ đến nhà, để rồi họ sẽ ra đi, hoặc hoàn tục, hoặc cầu hòa với bậc Đạo sư.

Và họ làm đúng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy bị túng quẫn vì hình thức xử phạt này, liền đến Sāvatthi thỉnh cầu đức Thế Tôn tha thứ.

Bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, vua cha là Đại vương Suddhodana (Tịnh Phạn), mẫu hậu là Mahāmāyā (Ma-da) và Vương tử Dīghāvu chính là Ta.

§429. CHUYỆN ĐẠI ANH VŨ (*Mahāsukajātaka*) (J. III. 490)

Bắt cứ khi nào cây trái sinh...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo.

Chuyện kể rằng, vị ấy sống trong rừng gần một làng biên địa ở Kosala và nhận được lời giáo huấn từ bậc Đạo sư theo các đề tài thiền quán. Dân chúng làm cho ông một am thất trong một nơi họ thường lui tới, cung cấp nơi cư trú cả ngày lẫn đêm, phụng sự ông rất tận tâm và chu đáo. Ngay tháng đầu tiên ông an cư mùa mưa, làng ấy bị đốt sạch và dân chúng không còn một hạt thóc nên không thể cúng dường thực phẩm thơm ngon vào bình bát của ông. Cho nên, mặc dù ông ở trong một nơi thoải mái, ông lại buồn khổ vì thiếu thực phẩm đến độ không thể nhập vào Thánh đạo hay Thánh quả được.

Vì vậy, khi hết ba tháng mưa, ông đến yết kiến bậc Đạo sư. Sau những lời ân cần chào hỏi, bậc Đạo sư bày tỏ hy vọng là mặc dù khó khăn về thực phẩm cúng dường, ông cũng có được một nơi an trú dễ chịu. Vị Tỷ-kheo trình Ngài về tình hình đã diễn tiến ra sao, khi nghe ông có được một trú xứ an lạc, bậc Đạo sư bảo:

– Nay Tỷ-kheo, nếu sự tình là như vậy, một vị tu khổ hạnh nên dẹp bỏ các thói tham đắm và nên tri túc với những thức ăn gì mình nhận được để hoàn thành phận sự của người xuất gia. Các bậc trí ngày xưa khi được sinh vào loài súc vật, dù chỉ sống bằng bụi bặm trong cây hư mục mà mình cư trú cũng đã bỏ mọi tham dục, tự biết sống đủ để ở lại nơi kia và hoàn thành đạo lý về ân tình. Thế thì tại sao ông lại bỏ một nơi cư trú đầy an lạc chỉ vì thức ăn nhận được quá ít ỏi thô sơ?

Và theo lời thỉnh cầu của vị này, Ngài kể câu chuyện quá khứ.

Ngày xưa, có vô số chim anh vũ (két) sống ở vùng Tuyết sơn trên bờ sông Hằng trong một rừng sung. Vua anh vũ ấy gặp lúc trái cây nơi mình cư trú đã hết mùa, phải ăn bất cứ cái gì còn sót lại, dù là mầm, lá, vỏ cây hoặc giác cây và uống nước sông Hằng, vẫn thấy an lạc và tri túc nơi mình sống.

Do tâm trạng an lạc và tri túc này, chiếc ngai của Thiên chủ Sakka rung động. Sakka tìm hiểu nguyên nhân và thấy anh vũ này. Rồi muốn thử thách công hạnh của chim, ngài dùng thần lực làm cho cây héo tàn, trở thành khúc thân cây mục đầy lỗ hổng đứng chơ vơ bị mưa gió vùi dập và bụi bặm bay ra từ các lỗ ấy. Anh vũ vương vẫn ăn bụi cây và uống nước sông Hằng, không đi đâu khác và vẫn đậu trên ngọn cây, chẳng quan tâm gì đến nắng gió.

Thiên chủ Sakka nhận thấy anh vũ sống rất tri túc, liền tự bảo: “Sau khi nghe chim nói về đức tính của tình bằng hữu, ta sẽ đền ban cho chim một đặc ân và làm phép cho cây sung sinh trái bất tử.” Vì thế, ngài giả dạng một thiên nga cùng với hoàng hậu của ngài là Sujā đi trước, biến hình thành một nữ thần

a-tu-la, ngài đến rừng sung kia, đậu trên một khóm cây gần đó và ngâm kệ bắt đầu đàm thoại với anh vũ:

20. Bất cứ khi nào cây trái sinh,
Bầy chim đói lại đến đầy cành,
Song khi cây đã thành khô héo,
Lập tức bầy chim bỏ chạy nhanh.

Sau lời này, ngài lại ngâm vần kệ thúc giục chim đi chỗ khác:

21. Này ông mỏ đỏ, hãy đi mau,
Ông vẫn ngồi mơ mộng, có sao?
Hãy nói ta nghe, xuân điều hời,
Sao ông bám khúc gỗ khô này?

Chim anh vũ đáp:

– Này thiên nga, do ân nghĩa, ta không rời bỏ cây này.

Rồi chim ngâm hai vần kệ:

- 22-24. Những ai thân thiết tự ngày xuân,
Biết rõ mọi điều thiện, chánh chân,
Dầu sống, chết hay khi khổ lạc,
Đều không hề bỏ mặc thân bằng.
Ta muốn ân cần giữ thiện tâm,
Với cây kết bạn đã lâu năm,
Ta mong sống, dầu lòng không nở,
Rời bỏ cây khô đã chết dần.

Sakka nghe chim nói, rất hoan hỷ, vừa ca ngợi chim vừa muốn ban cho chim một điều ước, liền ngâm hai vần kệ:

25. Ta biết chim giao hữu thật tình,
Trí nhân chắc chắn phải hoan nghênh,
Ta ban chim thứ gì mong muốn,
Anh vũ ước cho thỏa ý mình.

Nghe vậy, anh vũ vương ngâm vần kệ thứ bảy nói lên điều mình ước:

26. Thiên nga, nếu bạn muốn ban ân,
Mong ước cho cây sống lại dần,
Lần nữa vươn lên sức mạnh cũ,
Quả ngon tươi mát mọc đầy thân.

Rồi Thiên chủ Sakka ngâm vần kệ thứ tám ban đặc ân này:

27. Bạn nhìn cây quý quả sai đầy,
Thích hợp cho chim ở chốn này,
Lần nữa vươn lên sức mạnh cũ,
Quả ngon ngọt mát lại tươi thay!

Cùng với các lời này, Sakka bỏ lột thiên nga, thị hiện phép thần thông cùng Hoàng hậu Sujā lấy tay múc nước sông Hằng rải vào thân cây sung. Lập tức, cây mọc lên cành lá sum suê đầy trái ngọt như mật, tạo thành một cảnh tượng kỳ diệu như đỉnh núi Ngọc Bích lồ lộ. Anh vũ thấy vậy, vô cùng hoan hỷ ngâm vãn kệ thứ chín tán thán Thiên chủ Sakka:

28. Ước mong Thiên chủ, mọi thiên thần,
Đều hưởng thọ tràn ngập phước ân,
Hạnh phúc như chim đang thọ hưởng,
Khi nhìn cảnh tượng đẹp huy hoàng.

Sau khi ban điều ước cho anh vũ và làm phép để cây sung mọc trái bất tử, ngài cùng Hoàng hậu Sujā trở về cõi của ngài.

Để minh họa chuyện này, các vần kệ xuất phát từ trí tuệ tối thắng của bậc Giác ngộ được thêm vào đoạn cuối:

29. Ngay khi anh vũ chúa cầu mong,
Lần nữa cây kia trở trái dần,
Đế-thích cùng bà hoàng biến mất,
Về vườn Thiên Lạc cõi thiên thần.

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư bảo:

– Như vậy, này Tỷ-kheo, các bậc trí này xưa dù sinh làm súc vật cũng dứt bỏ tham ái. Thế tại sao nay ông đã được thọ giới trong giáo pháp tối thượng này, lại còn theo các thói xan tham? Hãy về ở lại chỗ ấy!

Rồi Ngài trao cho vị này một đề tài thiền quán và nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, Sakka là Anuruddha (A-na-luật-đà) và anh vũ vương chính là Ta. Vị Tỷ-kheo trở về và nhờ thiền quán đã đắc Thánh quả A-la-hán.

§430. CHUYỆN TIỂU ANH VŨ (*Cullasukajātaka*)⁴ (J. III. 494)

Nhìn cây vô số ở quanh đây...

Chuyện này bậc Đạo sư kể tại Kỳ Viên, liên hệ đến *Phẩm Verañjā* của *Luật tạng*.⁵

Sau thời an cư mùa mưa tại Verañjā, khi bậc Đạo sư lên đường dẫn đến Sāvattthi, Tăng chúng ngồi tại pháp đường thảo luận và bảo nhau:

– Nay các Hiền giả, đức Như Lai vốn là một vị quý tộc Sát-đế-lỵ được bảo dưỡng tể nhị, dù đã thành Phật có đủ thần thông lực, vẫn theo lời thỉnh cầu của một Bà-la-môn ở Verañjā an cư ba tháng với vị ấy. Rồi do áp lực của Ác ma, Ngài

⁴ Bản Tích Lan viết *Cullasukajātaka*. Bản CST viết *Cūlasuvajātaka*. Bản Thái Lan viết *Cullasuvakarājajātaka*.

⁵ Xem *Vin.* III. 1ff.

không nhận được thực phẩm cúng dường từ tay vị Bà-la-môn ấy thậm chí một ngày thôi, Ngài liền từ bỏ mọi tham dục và cứ ở lại nơi ấy suốt ba tháng sống bằng nước lã và một ít cám xay. Kỳ diệu thay là hạnh tri túc của các đức Như Lai!

Khi bậc Đạo sư đến hỏi đề tài thảo luận của các vị, Ngài bảo:

– Nay các Tỷ-kheo, không lạ gì ngày nay Như Lai đã bỏ hết mọi tham dục, vì ngày xưa khi được sinh làm súc vật, Ta cũng xả ly tham dục.

Và sau đó, Ngài kể một chuyện quá khứ. Bây giờ, toàn bộ câu chuyện cũng được kể lại với đầy đủ chi tiết giống như chuyện trước.

[Sakka:]

30. Nhìn cây vô số ở quanh đây,
Toàn thể xanh tươi, trái mọc đầy,
Cớ sao anh vũ còn đeo đẳng,
Cây đã héo khô tội nghiệp này?

[Anh vũ:]

31. Chúng ta hưởng thọ đã lâu năm,
Trái ngọt ngon mà cây đã mang,
Vậy đâu trái nay không còn nữa,
Cây cần phải được sự quan tâm.

[Sakka:]

32. Cây chẳng còn sinh trái, lá nào,
Than ôi! Cây đã chết, vì sao,
Nay chim còn trách bầy chim bạn,
Rằng chúng bay đi hết đã lâu?

[Anh vũ:]

33. Chúng yêu cây bởi trái cây thôi,
Nay trái cây không có nữa rồi,
Bọn ích kỷ ngu si tội nghiệp,
Thân tình ân nghĩa téch mù khơi!

[Sakka:]

34. Ta đây công nhận mối ân tình,
Chim có lòng chung thủy tốt lành,
Đức hạnh như là anh vũ chúa,
Trí nhân mãi mãi sẽ hoan nghênh.
35. Ta muốn giờ đây ta tặng chim,
Điều gì chim ước nguyện trong tim,
Ta cầu chim nói cho ta biết,
Điều ước làm tâm được phỉ nguyện?

[Anh vũ:]

36. Mong cây này lại có cơ may,
Sinh sản lá tươi, trái trĩu đầy,
Ta sẽ vô cùng hoan hỷ thấy,
Bầy chim tìm được bảo tàng này!
37. Thế rồi cây ấy được Sakka,
Rảy nước hồi sinh để mọc ra,
Cành lá sum suê đầy bóng mát,
Xinh tươi khả ái vẫn như xưa.
38. Ước mong Thiên chủ, các thiên thần,
Đều hưởng thọ tràn ngập phước ân,
Hạnh phúc như chim đang thọ hưởng,
Khi nhìn cảnh tượng đáng hân hoan!
39. Như vậy là cây trái được sinh,
Nhờ lời anh vũ nguyện ân tình,
Sakka trở lại cùng hoàng hậu,
An hưởng vườn Thiên Lạc hiển vinh.

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, Sakka là Anuruddha và anh vũ vương chính là Ta.

§431. CHUYỆN NAM TỬ HĀRITA (*Hāritajātaka*) (J. III. 496)

Hāri hiền hữu, trầm nghe rằng...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo bất mãn.

Bấy giờ, Tỷ-kheo này trở nên bất mãn sau khi nhìn thấy một nữ nhân phục sức lộng lẫy, nên cứ để cho lông tóc, móng tay, móng chân dài ra và muốn hoàn tục. Khi ông miễn cưỡng bị các vị Giáo thọ sư và giám hộ đưa đi yết kiến bậc Đạo sư, Ngài hỏi xem có đúng là ông thất thất chẳng và tại sao như vậy, ông đáp:

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn, chính vì uy lực của dục tham sau khi nhìn thấy một nữ nhân xinh đẹp.

Bậc Đạo sư bảo:

– Nay Tỷ-kheo, tham dục hủy hoại công đức, hơn nữa rất đáng nhàm chán, nó làm cho con người tái sinh vào địa ngục, thế thì sao tham dục này lại không đưa đến sự suy tàn của ông? Bởi vì trận cuồng phong vùi dập đỉnh núi Sineru (Tu-di) vẫn không ngăn ngại cuốn đi một ngọn lá khô héo. Chính vì tham dục này, những người thực hành theo tri kiến và trí tuệ đã đắc năm thắng trí và tám thiền chứng, dầu là Thánh nhân vĩ đại vẫn không đủ khả năng ổn định tâm tư nên sa đọa đánh mất thiền lực vi diệu.

Rồi Ngài kể một chuyện quá khứ.

Ngày xưa, khi Vua Brahmadata trị vì tại Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh ở một làng trong một gia đình Bà-la-môn có tài sản đến tám triệu đồng và do màu vàng ánh của ngài, cha mẹ đặt tên ngài là Hāritakumāra (nam tử Kim Sắc). Khi lớn khôn và đã được giáo dục tại Takkasilā, ngài trở thành vị gia chủ. Sau khi cha mẹ từ trần, ngài đi kiểm tra tất cả các kho báu của mình và suy nghĩ: “Tài sản kho báu tiếp tục tồn tại, còn những người tạo ra nó lại mất cả rồi. Ta cũng phải tan thành tro bụi khi chết.”

Như vậy, do nỗi sợ chết báo động, ngài thực hành đại bố thí, rồi vào vùng Tuyết sơn sống đời tu hành, đến ngày thứ bảy ngài thành tựu các thắng trí và các thiền chứng. Ngài sống ở đó một thời gian bằng củ quả rừng, rồi xuống núi tìm muối và giấm, dần dần ngài đến tận Ba-la-nại.

Ngài sống trong ngự viên và ngày hôm sau khi đi khát thực ngài đến cửa cung vua. Vua rất hoan hỷ khi thấy ngài nên đã truyền mời ngài vào ngồi trên vương tòa dưới bóng mát của chiếc lọng trắng và cúng dường ngài đủ thứ cao lương mỹ vị. Khi nói lời tùy hỷ công đức, vua vô cùng đẹp ý hỏi:

– Bạch Tôn giả, ngài sắp đi đâu?

– Tâu Đại vương, chúng tôi tìm một nơi an cư mùa mưa.

Vua bảo:

– Thế thì tốt lắm, bạch Tôn giả!

Rồi sau buổi điểm tâm, vua cùng đi với ngài đến ngự viên, truyền dựng am thất ban ngày lẫn ban đêm cho ngài ở, chỉ định người giữ ngự viên làm người hầu cận của ngài, rồi vua kính chào ngài ra về. Từ đó, bậc Đại sĩ thường xuyên ăn uống ở cung vua và sống tại nơi ấy suốt mười hai năm liền.

Một hôm, vua đi dẹp loạn ở biên giới nên đã giao phó cho hoàng hậu chăm sóc Bồ-tát và bảo bà:

– Đừng xao lãng việc phụng sự “Phước điền” của chúng ta!

Từ đó trở về sau, hoàng hậu tự tay phục vụ bậc Đại sĩ rất chu đáo.

Một hôm, hoàng hậu đã chuẩn bị thực phẩm cho ngài xong và vì ngài đến muộn nên bà đi tắm nước hương thơm ngát, choàng chiếc y bằng lụa mỏng manh mềm mại, rồi mở cửa thượng lầu nằm xuống một vương sàng nhỏ để cho gió lùa trên thân thể bà.

Sau đó, Bồ-tát đắp hạ y và thượng y, cầm bình bát du hành qua không gian đi vào cửa sổ ấy. Khi hoàng hậu vội vàng đứng dậy vì nghe tiếng sột soạt của các tấm y bằng vô cây trên thân ngài, chiếc y bằng lụa mỏng rơi khỏi người bà. Một đối tượng lạ thường đập vào mắt bậc Đại sĩ. Rồi một dục tướng đã ẩn trong tâm ngài từ vô lượng kiếp chợt bùng dậy như một con rắn nằm trong hộp, xua tan thiền lực của ngài.

Rồi không đủ khả năng ổn định tư tưởng, ngài đến chụp lấy hoàng hậu bằng đôi tay và hai vị lập tức kéo màn che phủ quanh người. Sau khi đã phạm tà dục với bà, ngài thọ thực và trở về ngự viên. Từ đó về sau, ngày nào ngài cũng đến làm như vậy. Tà hạnh của ngài vang dậy khắp kinh thành. Các cận thần của vua dâng sớ tâu trình vua: “Nhà khổ hạnh Hārīta đang hành động như vậy, như vậy.”

Vua suy nghĩ: “Họ nói như vậy để ly gián chúng ta” và vua không tin chuyện ấy. Khi vua đã bình định vùng biên địa xong, liền trở về Ba-la-nại và sau buổi diễn binh oai nghi khắp kinh thành, vua đến gặp hoàng hậu và hỏi:

- Có thật Thánh nhân khổ hạnh Hārīta đã phạm tà dục với ái hậu chăng?
- Tâu Chúa thượng, quả đúng vậy.

Vua vẫn không tin lời bà và suy nghĩ: “Ta sẽ hỏi chính vị ấy.” Rồi đi đến ngự viên, vua vái chào ngài, ngồi kính cẩn một bên và ngâm vãn kệ đầu để hỏi chuyện:

40. Hārī hiện hữu, trầm nghe rằng,
 Tôn giả nay đang sống lỗi lầm,
 Trầm chẳng tin lời đồn đại ấy,
 Ngài không phạm tội ý, thân chẳng?

Ngài suy nghĩ: “Nếu ta nói ta không phạm tội lỗi, vị vua này sẽ tin ta nhưng trên thế gian này không có một căn cứ nào vững chắc bằng nói sự thật. Người nào từ bỏ sự thật, dù ngồi trong Bồ-đề đạo tràng linh thiêng cũng không thể đạt quả Phật. Vậy ta cần nói sự thật!”

Trong vài trường hợp, một vị Bồ-tát có thể sát sanh, lấy của không cho, phạm tà dục và uống rượu nồng nhưng vị ấy không được phép nói dối đi kèm với sự lừa phỉnh vì phạm chân lý của vạn vật. Vì thế, ngài ngâm vãn kệ thứ hai chỉ nói lên sự thật:

41. Ta phạm ác hành, hồi Đại vương,
 Đúng như ngài đã được nghe rằng,
 Mắc vào tà thuật trong trần thế,
 Ta đã đi sai lạc bước đường.

Nghe vậy, vua ngâm vãn kệ thứ ba:

42. Trí tuệ uyên thâm của thế nhân,
 Hoài công vô ích, chẳng xua tan,
 Dục tham bùng dậy trong lòng dạ,
 Của bậc trí nhân đã lạc đường.

Sau đó, Hārīta nêu rõ cho vua thấy uy lực của dục tham qua vãn kệ thứ tư:

43. Bốn ác dục này ở thế gian,
 Uy quyền lấn áp cứ lan tràn,
 Tham, sân, vô độ và si ám,
 Tri kiến không sao đứng vững vàng.

Vua nghe liền ngâm vắn kệ thứ năm:

44. Thánh hạnh tràn đầy với trí minh,
Hāri hiền giả đáng tôn vinh!

Hiền giả Hārita ngâm tiếp vắn kệ thứ sáu:

45. Ác tâm, tham dục do liên kết,
Hủy hoại trí nhân hướng Thánh hành.

Sau đó, vua ngâm vắn kệ thứ bảy khuyên nhủ vị ấy quảng bỏ mọi tham dục:

46. Vẻ đẹp trong tâm tịnh sáng ngời,
Bị hư vì ác dục sinh sôi,
Quảng ngay, hạnh phúc đang chờ đón,
Quần chúng tuyên dương trí tuệ ngài!

Khi ấy, Bồ-tát đã phục hồi năng lực thiền định và quán sát sự đau khổ của tham dục, ngài ngâm vắn kệ thứ tám:

47. Vì tham dục trói buộc thân này,
Sinh sản cho ta quả đắng cay,
Ta quyết cắt sâu cho tận gốc,
Mọi mầm tham dục khởi lên đây.

Nói vậy xong, ngài xin phép vua, rồi sau khi được chấp nhận, ngài về thảo am tập trung nhả lực vào đề tài và nhập định. Sau đó, ngài bước ra khỏi am, ngồi bắt chéo chân trên không và giảng Chánh pháp cho vua, ngài bảo:

– Tâu Đại vương, ta đã tạo nên sự chỉ trích của quần chúng vì ta cư trú một nơi mà ta không nên cư trú. Nhưng giờ đây, xin Đại vương hãy tỉnh giác hộ phòng! Còn ta sẽ trở về núi rừng thoát ly mọi ô nhiễm của nữ sắc.

Rồi giữa những giọt nước mắt và tiếng than khóc của vua, ngài trở về Tuyết sơn, rồi không gián đoạn thiền định, ngài lên cõi Phạm thiên.

Bậc Đạo sư biết toàn thể câu chuyện và bảo:

48. Như vậy, Hāri bậc trí nhân,
Đấu tranh vì Chánh pháp kiên cường,
Vừa khi rời bỏ niềm tham dục,
Hướng đến Phạm thiên tiến thẳng đường.

Sau khi ngâm vắn kệ từ trí tuệ tối thắng, Ngài tuyên thuyết các sự thật. Vào lúc kết thúc các sự thật, vị Tỷ-kheo có tâm thể tục ấy đã đắc Thánh quả.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Thời bấy giờ, vua là Ānanda và Hārita chính là Ta.

§432. CHUYỆN CẬU BÉ CÓ TÀI NHẬN DẤU CHÂN (*Padakusalamāṇavajātaka*) (J. III. 501)

Pāta bị cuốn bởi sông Hằng...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong khi trú tại Kỳ Viên về một cậu bé.

Người ta đồn cậu bé ấy là con của một gia chủ tại Sāvatti, chỉ mới bảy tuổi đã có tài nhận ra dấu chân. Bấy giờ, cha cậu bé có ý định thử tài con, liền đi đến nhà người bạn mà không cho cậu biết. Cậu bé chẳng cần hỏi cha đã đi đâu, cứ theo vết chân của cha cậu, đến đứng trước mặt cha. Vì thế, một hôm cha cậu hỏi:

- Khi cha ra đi mà không nói với con, làm thế nào mà con biết cha đi đâu?
- Thừa cha, con nhận ra dấu chân của cha. Con có tài về chuyện này.

Sau đó, cha cậu lại muốn thử cậu, liền ra khỏi nhà sau khi ăn sáng, đi vào nhà kế cận, từ đó qua một nhà khác, từ nhà thứ ba ông lại quay về nhà mình, rồi sau đó đi ra cổng Bắc, xong đi một vòng quanh thành phố từ phải sang trái. Khi đến Kỳ Viên, ông đánh lễ bậc Đạo sư, rồi ngồi xuống nghe pháp. Cậu bé hỏi cha ở đâu và người nhà báo:

- Ta không biết.

Cậu lần theo dấu chân cha bắt đầu từ nhà bên cạnh đi theo đúng con đường cha cậu đã đi qua. Sau khi đánh lễ bậc Đạo sư, cậu đứng trước mặt cha. Khi cha hỏi làm sao con đến đây được, cậu đáp:

- Con nhận ra dấu chân cha và lần theo dấu ấy đến đây.

Người cha nói:

– Bạch Thế Tôn, thằng bé này có tài nhận ra dấu chân. Muốn thử nó, con đã đến đây theo cách như vậy, như vậy. Nó không thấy con ở nhà, cứ lần theo dấu chân đến đây.

Bậc Đạo sư bảo:

– Không lạ gì việc nhận ra dấu chân dưới đất. Các bậc trí nhân ngày xưa còn nhận ra dấu chân trên không gian.

Và theo lời thỉnh cầu, Ngài kể một chuyện quá khứ.

Thời xưa, dưới triều Vua Brahmadatta ở Ba-la-nại, vị chánh hậu bị vua chất vấn sau khi phạm tội tà dục, liền tuyên thệ:

– Nếu thần thiếp phạm tội với Chúa thượng, thần thiếp sẽ trở thành một con quỷ dạ-xoa cái có mặt ngựa.

Sau khi chết, bà trở thành con quỷ cái có mặt ngựa sống trong hang đá ở một khu rừng rậm dưới chân núi và thường bắt những người qua lại trên con đường từ biên giới Đông sang Tây để ăn thịt. Chuyện kể rằng, sau khi phục vụ

Thiên vương Vessavaṇa (Tỳ-sa-môn) suốt ba năm, quỷ cái này được phép ăn thịt người trong một khu vực dài ba mươi do-tuần, rộng năm do-tuần.

Một hôm, một vị Bà-la-môn giàu sang, đẹp trai được một đoàn tùy tùng đông đảo hộ tống đi trên con đường ấy. Dạ-xoa thấy chàng liền cười lớn chạy xuống chụp chàng, còn đám tùy tùng chạy trốn cả. Với tốc lực nhanh như gió, quỷ cái bắt được chàng Bà-la-môn ném lên lưng nó và đưa vào hang. Do xúc chạm với chàng trai, quỷ cái bị lòng dục chi phối và cảm thấy yêu mến chàng nên thay vì ăn thịt chàng, nó lại lấy chàng làm chồng và cả hai sống hòa hợp với nhau.

Từ đó, mỗi khi quỷ cái bắt được đàn ông, nó lấy áo quần, lúa gạo, dầu mỡ cùng với mọi thứ khác phục vụ chàng đủ món cao lương mỹ vị, còn nó vẫn ăn thịt người. Khi nào nó đi xa, nó sợ chàng trốn thoát nên lấy hòn đá lớn đập miệng hang trước khi đi. Trong thời gian họ sống an vui như vậy thì Bồ-tát vừa già từ đời trước và nhập vào mẫu thai của quỷ cái với vị Bà-la-môn. Sau mười tháng, quỷ cái sinh một con trai, nó vô cùng thương yêu cả vị Bà-la-môn lẫn hài nhi nên nuôi nấng họ chu đáo. Dần dần, khi cậu bé lớn lên, quỷ cái đặt con vào trong hang với cha, rồi đóng cửa lại.

Một hôm, Bồ-tát biết mẹ đã đi xa liền giở hòn đá lên và đưa cha ra ngoài. Khi quỷ cái trở về, hỏi ai đã giở hòn đá, cậu bé đáp:

– Thừa mẹ, chính con, vì cha và con không thể ngồi trong tối mãi.

Do thương con, quỷ cái không nói lời nào nữa. Một hôm, Bồ-tát hỏi cha:

– Thừa cha, miệng cha khác với miệng mẹ, vì sao vậy?

– Con ơi, mẹ con là quỷ dạ-xoa sống bằng thịt người, còn cha và con là người.

– Nếu vậy, tại sao ta sống ở đây? Mau lên, chúng ta quyết trở về nơi chốn loài người.

– Con ơi, nếu ta cố chạy trốn, mẹ con sẽ giết chết cả hai ta đấy.

Bồ-tát an ủi cha và bảo:

– Cha đừng sợ, việc đem cha trở về chốn loài người là phận sự của con.

Hôm sau, khi mẹ cậu đã ra đi, cậu đem cha chạy trốn. Khi quỷ cái trở về thấy thiếu họ, nó liền chạy như gió bắt họ lại và nói:

– Nay chàng Bà-la-môn, tại sao chàng bỏ chạy, chàng có thiếu gì ở đây chẳng?

– Nàng ơi, xin đừng giận ta. Con nàng đem ta đi theo nó đấy!

Quỷ cái không nói gì thêm, do lòng thương con, nó an ủi hai cha con và mang họ trở về hang sau vài ngày bay vùn vụt.

Bồ-tát suy nghĩ: “Mẹ ta chắc hẳn phải có một ranh giới hoạt động. Giả sử ta hỏi mẹ về ranh giới mà mẹ có quyền hạn, rồi ta sẽ đi trốn bằng cách vượt qua ranh giới đó.” Vì vậy, một hôm ngồi kính cẩn bên mẹ, ngài hỏi:

– Mẹ ơi, những gì thuộc về mẹ đều truyền cho con, vậy mẹ hãy nói cho con biết ranh giới vùng đất của chúng ta.

Quý cái liền cho biết mọi phạm vi đất đai núi rừng ở mọi hướng và chỉ rõ khu vực dài ba mươi do-tuần, rộng năm do-tuần ấy, xong lại bảo:

– Hãy xem, nó nhiều như vậy đây con à!

Sau hai ba ngày, khi mẹ đã vào rừng, ngài công cha lên vai và chạy nhanh như gió theo dấu hiệu mẹ ngài đã cho biết, ngài đến bờ sông làm ranh giới. Quý cái trở về thấy thiếu họ liền đuổi theo. Bô-tát mang cha ra giữa sông, còn quý cái đứng bên bờ thấy họ đã vượt phạm vi của nó, đành phải đứng lại và kêu:

– Con yêu quý ơi, hãy đến đây cùng với cha con! Mẹ có lỗi làm gì nào? Có việc gì không vừa lòng con về phương diện nào? Xin chàng hãy trở về mau!

Quý cái van xin chồng con như vậy. Vị Bà-la-môn đã qua bên kia sông. Quý cái lại khẩn cầu con:

– Con yêu quý ơi, đừng làm như vậy. Hãy trở lại mau!

– Mẹ ơi, cha và con là người, còn mẹ là quỷ dạ-xoa. Cha và con không thể ở mãi với mẹ được.

– Thế con không muốn trở lại à?

– Không, mẹ ơi!

– Vậy nếu con không muốn trở lại mà sống trên thế giới loài người khổ lắm con ạ, những người không biết nghề gì thì không thể sống được. Mẹ có phép thuật cao cường, nhờ thần lực đó, ta có thể theo dõi dấu chân của người đã đi qua sau mười hai năm. Điều này sẽ làm kế sinh nhai của con. Nay con, hãy nhận lấy phép thuật vô giá này!

Mặc dù lòng nặng trĩu đau buồn, do lòng thương con, quý cái cũng trao thần chú cho con. Bô-tát đứng giữa sông chấp hai tay lại kính cẩn nhận thần chú và vái chào mẹ ngài:

– Mẹ ơi, con xin từ giã mẹ!

Quý cái bảo:

– Con ơi, nếu con không trở lại, mẹ không thể sống được.

Nó liền đâm vào ngực và ngay lập tức do sầu não vì con, tim nó tan nát ra nên nó chết tại chỗ. Bô-tát biết mẹ đã chết, liền gọi cha và đi làm giàn hỏa thiêu xác mẹ. Sau khi dập tắt lửa, ngài cúng nhiều loại hoa đủ màu sắc, vừa than khóc vừa cùng cha trở về Ba-la-nại. Quân hầu tâu trình vua:

– Một cậu thanh niên có tài nhận ra dấu chân đang đứng chờ ở cửa.

Khi vua ra lệnh ngài vào chầu, ngài bước vào cung kính vái chào vua. Vua hỏi:

– Nay hiền hữu, khanh biết nghề gì?

– Tâu Chúa thượng, tiểu thần biết theo dõi dấu chân của người đã trộm cắp tài vật cách mười hai năm trước và bắt lấy họ.

Vua bảo:

– Thế thì vào đây hầu hạ trăm.

– Tiểu thần muốn phục vụ Chúa thượng với tiền công mỗi ngày một ngàn đồng.

– Tốt lắm, này hiền hữu, nhất định khanh sẽ phục vụ trăm.

Rồi vua ban cho ngài một ngàn đồng tiền mỗi ngày. Một hôm, vị tể sư hoàng gia trình vua:

– Tâu Chúa thượng, chàng thanh niên chưa sử dụng xảo thuật để làm gì cả nên ta không biết chàng có tài hay không, vậy bây giờ ta quyết thử tài chàng.

Vua sẵn sàng chấp nhận. Hai vị thông báo cho các vị thủ kho và lấy các châu báu có giá trị nhất từ lầu thượng xuống, rồi sau khi đi lần quanh ba vòng quanh cung điện, họ đặt cái thang trên nóc tường và theo đó đi ra ngoài.

Sau đó, họ vào pháp đình, ngồi xuống rồi trở ra đặt cái thang trên tường và leo xuống đi vào thành. Khi đến bờ hồ nước, họ đi vòng quanh ba vòng rất trang nghiêm, rồi thả các báu vật vào hồ và trèo lên lầu thượng như cũ.

Hôm sau có tiếng huyên náo và nhiều người kêu:

– Các báu vật đã bị mất trộm khỏi cung rồi.

Vua giả vờ không biết gì, triệu Bồ-tát đến bảo:

– Này hiền hữu, nhiều báu vật vừa bị mất trộm khỏi cung, ta phải tìm ra dấu vết.

– Tâu Chúa thượng, đối với một người có khả năng theo dấu vết bọn trộm cắp và thu hồi bảo vật cách mười hai năm trước thì chẳng có gì thần kỳ khi tìm được tài vật chỉ mất sau một ngày một đêm. Tiểu thần quyết đem lại đủ, xin Chúa thượng yên tâm.

– Vậy hiền hữu hãy thu hồi báu vật.

– Tâu Chúa thượng, được lắm.

Ngài nói xong, đi đánh lễ hương hồn mẹ, rồi vừa niệm thần chú vừa đứng yên trên thượng lầu, rồi trình vua:

– Tâu Chúa thượng, dấu chân của bọn trộm sẽ được tìm ra.

Sau đó, theo dấu chân vua và vị tể sư, ngài vào cung thất, từ đó ra đi, ngài bước xuống khỏi thượng lầu và sau ba vòng đi quanh hoàng cung, ngài đến gần cái hồ. Đứng bên hồ, ngài bảo:

– Tâu Chúa thượng, bắt đầu ở nơi này từ bức tường, tiểu thần thấy dấu chân trên không. Xin đem cho tiểu thần một cái thang.

Sau khi nhờ đặt cái thang sát tường, ngài leo xuống và vẫn tiếp tục theo dõi dấu vết, ngài đến pháp đình. Rồi trở vào cung, ngài bảo đặt cái thang sát

tường và từ đó ngài leo xuống đi đến hồ nước. Sau khi đi quanh hồ nước ba lần, ngài bảo:

– Tâu Chúa thượng, bọn trộm đã vào hồ này.

Và vừa lấy báu vật ra như thể chính ngài đặt chúng vào đó, ngài dâng vua và trình:

– Tâu Chúa thượng, hai đạo tặc này là người đặc biệt, chúng đã vào cung bằng cách này.

Quần thần búng ngón tay biểu lộ hân hoan cực độ và rất nhiều khăn quàng tung vẩy lên. Vua suy nghĩ: “Có lẽ chàng trai này theo dõi dấu chân nên biết nơi bọn trộm cất báu vật nhưng chàng không bắt được chúng.” Sau đó, vua phán:

– Hiền hữu đã mang lại ngay báu vật được bọn trộm mang đi nhưng khanh có thể bắt bọn trộm và đưa chúng cho trầm chăng?

– Tâu Chúa thượng, bọn trộm ở đây, chúng không ở đâu xa.

– Chúng là ai thế?

– Tâu Đại vương, bất cứ ai thích đều có thể làm kẻ trộm cả. Đại vương đã thu hồi báu vật rồi, sao Đại vương còn muốn bắt trộm làm gì nữa? Xin Đại vương đừng hỏi chuyện ấy.

– Nay hiền hữu, trăm ban cho khanh mỗi ngày một ngàn đồng tiền, vậy hãy đem bọn trộm đến cho trầm.

– Tâu Chúa thượng, khi đã thu hồi báu vật, thì cần gì bắt bọn trộm nữa?

– Nay hiền hữu, đối với mọi người, bắt bọn trộm còn quan trọng hơn thu hồi báu vật.

– Thế thì, tâu Chúa thượng, tiểu thần sẽ không tâu với Chúa thượng: “Bọn trộm là những người này, người nọ” nhưng tiểu thần sẽ kể một chuyện xảy ra đã lâu. Nếu Chúa thượng thông thái, Chúa thượng sẽ biết ý nghĩa của nó.

Rồi sau đó, ngài kể một chuyện cổ.

CHUYỆN VŨ CÔNG PĀṬALA

– Tâu Đại vương, ngày xưa có một vũ công tên là Pāṭala sống không xa thành Ba-la-nại, trong một ngôi làng bên bờ sông. Một hôm, y vào Ba-la-nại cùng với vợ và sau khi kiếm được tiền nhờ múa hát, y ăn cơm uống rượu no say vào dịp lễ hội chấm dứt.

Trên đường trở về làng cũ, y đến bờ sông vừa ngồi ngắm dòng nước chảy vừa uống rượu nồng. Trong lúc đang say không biết mình sức yếu, y bảo: “Ta sẽ buộc ống sáo lớn vào cổ và đi xuống sông.” Y dắt vợ trong tay bước dần xuống sông. Nước vào trong các lỗ ống sáo, rồi sức nặng của ống sáo làm y bắt đầu chìm xuống. Nhưng khi người vợ thấy y chìm dần, nàng bỏ mặc y, bước lên khỏi sông và đứng trên bờ.

Vũ công Pātala lúc chìm lúc nổi và bụng trướng lên vì uống nước. Vì vậy, vợ y suy nghĩ: “Chồng ta sắp chết, ta muốn xin chàng một bài hát và sẽ kiếm sống nhờ hát giữa đám đông”, và nói:

– Chàng ơi, chàng sắp chìm xuống nước, xin hãy cho thiếp một bài hát, nhờ đó thiếp tìm ra cách nuôi thân!

Rồi nàng ngâm vần kệ:

49. Pāṭa bị cuốn bởi sông Hằng,
Ca vũ tài hoa tiếng lẫy lừng,
Chàng hỡi! Chàng trôi theo sóng nước,
Xin chàng cho thiếp khúc ca ngâm!

Lúc ấy, vũ công Pātala nói:

– Nàng ơi, làm sao cho nàng một khúc ca bây giờ đây? Nước vốn là nguồn cứu khổ cho con người, nay đang giết ta.

Và y ngâm một vần kệ:

50. Những người đang bất tỉnh mê man,
Nhờ tưới nước vào để cứu thương,
Ta bị chết ngay trong sóng nước,
Nơi nương tựa đã hóa tai ương.

Bồ-tát muốn giải thích vần kệ này, bảo:

– Tâu Đại vương, giống như nước là nơi nương tựa của mỗi con người. Cũng vậy, là vua chúa đối với dân. Nếu hiểm họa phát sinh từ vua chúa thì còn ai đề phòng được hiểm họa ấy nữa? Tâu Đại vương, đây là một vấn đề bí mật. Tiểu thần vừa kể một câu chuyện mà người hiền trí có thể hiểu được. Xin Đại vương cố hiểu nó.

– Nay hiền hữu, trẫm không hiểu chuyện bí mật như thế này đâu. Hãy bắt bọn trộm đến cho trẫm!

Sau đó, Bồ-tát nói:

– Tâu Đại vương, thế thì xin hãy nghe chuyện này và sẽ hiểu.

Rồi ngài lại kể một chuyện khác.

CHUYỆN NGƯỜI THỢ GÓM

– Tâu Đại vương, ngày xưa, trong ngôi làng ngoài cổng thành Ba-la-nại, có một người thợ gốm thường tìm đất sét đem về làm đồ gốm và bao giờ cũng lấy đất sét ở một nơi mà y đào thành một cái hố sâu vào một hang núi.

Bấy giờ, một hôm, y đang đào đất sét, một cơn giông bão trái mùa bùng lên làm mưa rơi tầm tã, gây ngập lụt và làm sụp một bên hố khiến y bị vỡ đầu. Y than khóc, ngâm vần kệ:

51. Cái vật này nhờ hạt nảy mầm,
 Để nuôi sống tất cả người trần,
 Đã làm ta vỡ đầu ra đây,
 Chỗ dựa thành tai họa bản thân.

Tâu Đại vương, giống như đại địa cầu vốn là nơi nương tựa của loài người, lại làm vỡ đầu chú thợ gốm. Cũng vậy, khi vua vốn như là nơi nương tựa của toàn dân lại đứng lên đóng vai kẻ trộm thì còn ai có thể đề phòng hiểm họa ấy nữa? Tâu Đại vương, thế Đại vương có nhận ra tên trộm giả dạng trong câu chuyện này chăng?

– Này hiền hữu, chúng ta không cần ý nghĩa ẩn kín trong đó. Hãy nói rõ: “Đây là tên trộm”, và bắt nó dẫn đến giao cho thẩm!

Vẫn bảo vệ nhà vua và không nói thành lời: “Chính Đại vương là tên trộm”, ngài lại kể một chuyện khác.

CHUYỆN NGỌN LỬA

– Tâu Đại vương, ngay chính kinh thành này có một nhà người kia bị cháy. Y ra lệnh một người khác vào nhà đem tài sản của y ra. Đến khi chính chủ nhà này vào nhà và đem đồ vật ra thì cánh cửa chốt đóng lại. Y bị khói tỏa mù mịt không thể tìm đường thoát ra và bị ngọn lửa lên cao hành hạ đau đớn, y ở trong nhà vừa khóc than vừa ngâm vãn kệ này:

52. Cái vật làm tan vỡ giá băng,
 Và thiêu đốt hạt giống khô cằn,
 Đang thiêu hủy tứ chi ta đó,
 Chỗ dựa thành tai họa khổ thân.

Tâu Đại vương, có một người cũng giống như ngọn lửa, vốn là nơi nương tựa của quần chúng lại đi ăn trộm một số lớn châu báu. Xin Đại vương đừng hỏi tiểu thần về tên trộm này nữa!

– Này hiền hữu, cứ đưa tên trộm đến cho thẩm!

Vẫn không nói rõ cho vua chính vua là kẻ trộm, ngài lại kể một chuyện nữa.

CHUYỆN BỘI THỰC

– Tâu Đại vương, ngày xưa, chính tại kinh thành này có một người ăn thái quá nên không thể tiêu hoá thức ăn. Đau đớn điên cuồng, y than khóc, ngâm vãn kệ:

53. Thức ăn nuôi sống biết bao người,
 Đạo sĩ, La-môn ở giữa đời,
 Đã giết chết ta đây trọn vẹn,
 Nơi nương tựa hóa khổ đau rồi.

Tâu Đại vương, có một người vốn như lúa gạo, là nơi nương tựa của toàn dân lại ăn trộm tài vật. Khi tài vật đã được thu hồi, tại sao còn hỏi về tên trộm làm gì?

– Nay hiền hữu, nếu khanh có tài thì cố đem tên trộm đến cho trẫm.

Ngài kể một chuyện khác để làm cho vua hiểu.

CHUYỆN GIÓ THỔI

– Tâu Đại vương, ngày xưa, ngay chính kinh thành này có ngọn gió thổi lên làm gãy tay chân một người. Y than khóc, ngâm vãn kệ:

54. Những bậc trí nhân vẫn nguyện cầu,
Gió lạnh tháng sáu thổi lên mau,
Gió nay làm tứ chi ta gãy,
Chỗ dựa thành tai họa khổ đau.

Tâu Đại vương, như vậy quả thật hiểm nguy phát xuất từ nơi nương tựa của thân dân. Xin hãy hiểu chuyện này!

– Hiền hữu, hãy đem tên trộm cho trẫm!

Để làm cho vua hiểu, ngài lại kể một chuyện khác.

CHUYỆN CÀNH CÂY

– Tâu Đại vương, ngày xưa trên triền Tuyết sơn có một cây mọc lên chĩa ra nhiều nhánh làm nơi trú ẩn của vô số chim muông. Một hôm, hai cành cọ xát vào nhau, khói bốc ra từ đó và các đốm lửa rơi xuống. Thấy vậy, chim chúa ngâm vãn kệ này:

55. Lửa phát sanh ra ở ngọn cây,
Chúng ta an trú bấy lâu nay,
Mau lên, giải tán bầy chim nhé,
Chỗ dựa thành nơi hiểm họa đây.

Tâu Đại vương, giống như cây kia là nơi nương tựa của chim muông. Cũng vậy, vua là nơi nương tựa của thân dân. Nếu vua đóng vai kẻ trộm thì ai còn đề phòng hiểm họa ấy nữa? Xin Đại vương lưu ý điều này!

– Nay hiền hữu, cứ đem tên trộm đến cho trẫm!

Sau đó, ngài lại kể một chuyện khác nữa.

CHUYỆN GIẾT MẸ GIÀ

– Tâu Đại vương, trong một làng ở Ba-la-nại, về phía Tây một nhà quý tộc, có con sông đầy cá sấu hung dữ, gia đình ấy chỉ có một trai. Lúc cha mất, cậu con chăm sóc mẹ già chu đáo.

Dù con trai không muốn, bà mẹ vẫn đem một cô gái quý tộc về làm vợ chàng. Ban đầu, nàng tỏ ra yêu thương mẹ chồng nhưng về sau dần dần nàng có đủ con trai con gái đông đúc, nàng lại muốn trừ khử bà đi. Mẹ của nàng cũng ở cùng nhà này. Trước mặt chồng, nàng tìm ra đủ mọi lỗi lầm của mẹ chồng để làm cho chồng có ác cảm với bà, và bảo:

– Thiếp không thể nuôi mẹ chàng được nữa. Chàng phải giết mẹ đi!

Khi chàng bảo:

– Sát nhân là chuyện hệ trọng, làm sao ta có thể giết mẹ được?

Nàng đáp:

– Khi nào mẹ chàng ngủ rồi, chúng ta sẽ đem bà đi, luôn cả giường chiếu đồ đạc, rồi ném bà vào sông cá sấu. Cá sấu sẽ kết liễu đời bà.

– Thế mẹ nàng ở đâu?

– Mẹ thiếp ngủ cùng phòng với mẹ chàng.

– Thế thì nàng đi đánh dấu vào chiếc giường mẹ ta nằm bằng cách buộc sợi dây thừng vào đó.

Nàng làm như vậy rồi bảo:

– Thiếp đã đánh dấu lên đó rồi.

Người chồng đáp:

– Hãy đợi ta một lát, để mọi người đi ngủ trước đã.

Rồi chàng nằm xuống giả vờ ngủ. Sau đó đi buộc sợi dây thừng vào giường mẹ vợ, chàng đánh thức vợ dậy, cả hai cùng đi khiêng bà mẹ lẫn tất cả giường chiếu đồ đạc ném xuống sông. Bầy cá sấu giết chết bà ăn thịt ngay tại chỗ. Hôm sau, nàng khám phá mọi việc đã xảy ra cho chính mẹ mình, liền nói:

– Chàng ơi, mẹ thiếp đã chết rồi, nay ta hãy giết mẹ chàng!

Chàng bảo:

– Được lắm. Chúng ta làm một giàn hỏa tại nghĩa địa, rồi thả bà vào đó để giết bà.

Thế là hai vợ chồng khiêng bà ra nghĩa địa trong lúc bà ngủ và đặt bà tại đó. Rồi người chồng hỏi vợ:

– Nàng có đem lửa theo không?

– Chàng ơi, thiếp đã quên rồi.

– Vậy đi tìm lửa đem về đây.

– Chàng ơi, thiếp không dám đi, còn nếu chàng đi, thiếp không dám ở lại đây. Vậy chúng ta cùng đi nhé!

Khi họ đi rồi, bà già tỉnh giấc vì gió lạnh, thấy đây là nghĩa địa, bà suy nghĩ: “Chúng nó muốn giết ta, chúng đã đi tìm lửa. Chúng không biết ta mạnh dạn ra sao đâu.” Bà liền lấy một tử thi đặt lên giường và lấy khăn phủ kín, rồi chạy

đi trốn trong hang núi ở nơi ấy. Hai vợ chồng đem lửa về, tưởng tử thi ấy là bà già, họ đốt xác rồi ra về.

Có một kẻ trộm kia giấu một gói đồ vật trong hang núi ấy, lúc trở về thấy bà già, y suy nghĩ: “Đây chắc là quỷ dạ-xoa. Gói đồ đạc của ta bị quỷ ám.” Thế là y đi tìm thầy bùa trừ tà. Thầy bùa đọc thần chú và đi vào hang. Bà già bảo:

- Ta không phải là quỷ dạ-xoa, nào chúng ta cùng hưởng số báu vật này.
- Làm sao tin được chuyện này?
- Cứ đặt lưỡi ông trên lưỡi ta đây.

Thầy bùa làm theo, bà già cắn một khúc lưỡi của thầy và nhả xuống đất. Thầy bùa suy nghĩ: “Chắc chắn đây là quỷ dạ-xoa.” Thầy bùa vừa chạy vừa la to với cái lưỡi chảy máu ròng ròng. Hôm sau, bà già mặc y phục sạch sẽ và đi lấy gói báu vật đem về nhà. Nàng dâu thấy bà vội hỏi:

- Mẹ ơi, mẹ tìm gói này ở đâu thế?
- Con yêu quý ơi, hễ ai bị đốt cháy trên giàn hỏa trong nghĩa địa này đều tìm được một gói như vậy.
- Mẹ yêu quý ơi, thế con có thể tìm được gói này chăng?
- Nếu con cũng làm như ta thì con cũng có được.

Thế rồi, nàng không nói gì với chồng và trong lòng ước muốn có được số châu báu để đeo, nàng đi đến đó tự thiêu sống. Hôm sau, chồng nàng thấy vợ vắng, liền hỏi:

- Mẹ yêu quý ơi, giờ này sao con dâu mẹ chưa đến?
- Nay đồ bất nhân kia, người chết làm sao trở về được?

Rồi bà già ngâm vãn kệ:

56. Một gái xuân xanh đẹp biết bao,
Với vòng hoa trắng đội trên đầu,
Dầu thơm sực nức chiên-đàn tỏa,
Đã được ta ngày trước đón dâu.
Nương tử hân hoan mong ngự trị,
Trong nhà ta ở tự bao lâu,
Con dâu đuổi mẹ đi nơi khác,
Chỗ dựa thành tai họa thâm sâu!

Tâu Đại vương, giống như con dâu đối với mẹ chồng. Cũng vậy, vua là nơi nương tựa của toàn dân. Nếu hiểm họa xuất phát từ đó thì ta có thể làm gì được nữa? Xin Đại vương hãy chú ý điều này!

– Nay hiền hữu, trẫm không hiểu những việc khanh nói với trẫm. Cứ đem tên trộm lại đây cho trẫm.

Ngài suy nghĩ: “Ta muốn che chở vua”, rồi ngài lại kể một chuyện khác.

CHUYỆN ĐUỔI CHA GIÀ

– Tâu Đại vương, ngày xưa ngay trong kinh thành này, một người kia sinh con trai đúng như lời nguyện cầu. Khi đưa con ra đời, người cha vui mừng hơn hờ vì ý tưởng có được con trai nên yêu quý nó lắm.

Khi đứa trẻ lớn lên, người cha cưới vợ cho con rồi dần dần ông già yếu không làm được việc nữa. Vì thế, con ông bảo:

– Cha không làm việc được nữa, cha phải ra khỏi đây.

Rồi nó đuổi cha ra khỏi nhà. Ông cha hết sức chật vật kiếm sống bằng nghề hành khất, vừa ngậm vắn kệ vừa khóc than:

57. Kẻ mà ta ước muốn sanh ra,
Cũng chẳng hoài công mong đợi kia,
Lại đuổi ta đi, nơi trú ẩn,
Hóa thành tai họa khổ thân ta.

Tâu Đại vương, giống như người cha già phải được đưa con khoẻ mạnh chăm sóc. Cũng vậy, là toàn dân phải được vua bảo vệ, giờ đây mỗi hiểm họa lại xuất phát từ vua, người bảo vệ toàn dân. Tâu Đại vương, xin hãy hiểu từ việc này rằng kẻ trộm là người như vậy, như vậy.

– Trẫm không hiểu việc này, dù đó là sự thực hay không phải sự thực. Hoặc là người phải mang kẻ trộm đến đây cho trẫm, hoặc chính người là kẻ trộm ấy.

Vua cứ bảo chàng thanh niên như vậy mãi. Vì thế, ngài hỏi vua:

– Tâu Đại vương, Đại vương thực sự muốn kẻ trộm bị bắt chăng?

– Đúng vậy, hiền hữu.

– Thế thì tiểu thần sẽ công bố giữa quần chúng rằng kẻ trộm là người như vậy, như vậy.

– Hãy làm như vậy, này hiền hữu!

Khi nghe vua nói, ngài suy nghĩ: “Vua này không cho phép ta che chở nữa. Ta sẽ bắt tên trộm bây giờ.” Khi quần chúng đã tụ tập đầy đủ, ngài ngậm vắn kệ với họ:

58-59. Này dân thành thị đến thôn làng,
Tề tựu lắng nghe tất cả rằng,
Kìa! Nước lạnh nay đang bốc cháy,
Chốn bình an phát xuất kinh hoàng.
Đại vương, đạo sĩ cùng than vãn,
Quốc độ bị cường đạo phá tan,
Vậy mọi người dân lo tự vệ,
Nơi nương tựa bỗng hóa tai nạn.

Khi quần chúng nghe nói vậy, họ suy nghĩ: “Vị vua này, mặc dù phải bảo vệ thần dân, lại đổ lỗi cho người khác. Sau khi chính tay vua bỏ báu vật vào hồ,

vua lại bảo đi tìm kẻ trộm! Để cho vua khỏi đóng vai kẻ trộm trong tương lai, chúng ta phải giết hôn quân vô đạo này.” Vì thế, họ đứng lên với trượng, chùy trong tay đánh vua và vị tế sư cho đến chết tại chỗ. Rồi họ làm lễ Quán đảnh (rảy nước thánh phong vương) Bồ-tát và đưa ngài lên ngôi.

Sau khi kể chuyện này để làm sáng tỏ các sự thật, bậc Đạo sư bảo:

– Nay cư sĩ, không kỳ diệu gì khi nhận ra dấu chân trên mặt đất, vì các bậc trí ngày xưa còn nhận ra chúng trên không nữa.

Lúc kết thúc các sự thật, vị cư sĩ cùng con trai đắc Sơ quả (Dự lưu).

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, người cha là Kassapa (Ca-diếp) và chàng thanh niên có tài nhận dấu chân chính là Ta.

§433. CHUYỆN CA-DIỆP, VỊ KHỔ HẠNH NHIỀU LÔNG TÓC (*Lomasakassapajātaka*)⁶ (J. III. 514)

Đại vương sẽ giống hệt Indra...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo có tâm thế tục.

Bậc Đạo sư hỏi vị ấy có thật ông đang mơ tưởng chuyện thế tục chẳng và khi ông công nhận là đúng như vậy, bậc Đạo sư bảo:

– Nay Tỷ-kheo, ngay cả người đạt danh vọng tối cao đôi khi cũng phạm vào một việc ô danh. Những tội lỗi như thế làm ô uế những vị thanh tịnh, huống nữa là một kẻ như ông.

Rồi Ngài kể một chuyện quá khứ.

Ngày xưa, Vương tử Brahmaddattakumāra là con Vua Brahmaddatta trị vì Ba-la-nại và con trai vị tế sư hoàng gia tên là Kassapa là đôi bạn đồng học mọi nghệ thuật tại nhà một giáo sư. Dần dần, khi vua cha băng hà, thái tử lên trị vì quốc độ. Kassapa nghĩ: “Hiền hữu ta đã lên làm vua và sẽ ban đại quyền lực cho ta. Song ta có cần gì quyền lực! Ta muốn giã từ đức vua cùng song thân và trở thành vị khổ hạnh.”

Vì vậy, ngài vào vùng Tuyết sơn sống đời tu hành. Vào ngày thứ bảy, ngài thành đạt các thắng trí cùng các thiền chứng và tự kiếm sống bằng những thứ nhặt được giữa đồng hoang. Quần chúng đặt cho ngài biệt danh nhà khổ hạnh Lomasakassapa (Ca-diếp có nhiều lông tóc).

⁶ Xem J. II. 28, *Chavakajātaka* (Chuyện người tiện dân), số §309; J. II. 32, *Sayhajātaka* (Chuyện vị Quốc sư Sayha), số §310; Vin. IV. 204.

Vì hành hạ thân xác, ngài trở thành vị khổ hạnh khắc nghiệt cao độ. Do công năng khổ hạnh này, cung của Thiên chủ Sakka (Đế-thích) rung động. Sakka suy xét duyên cớ, quan sát ngài và suy nghĩ: “Vị khổ hạnh này nhờ công năng tỏa nhiệt độ mãnh liệt như thế, có thể khiến ta rút khỏi nơi Đế-thích. Ta sẽ phá hủy khổ hạnh của vị ấy sau khi bí mật hội kiến với vua xứ Ba-la-nại.”

Nhờ thần lực của một vị Thiên chủ, Đế-thích vào cung của vua xứ Ba-la-nại lúc nửa đêm và chiếu sáng toàn thể cung thất với hào quang trên thân, vừa đứng trên không trước mặt vua, Thiên chủ vừa đánh thức vua dậy và nói:

– Thưa Đại vương, dậy đi!

Vua hỏi:

– Ngài là ai?

Thiên chủ đáp:

– Ta là Sakka.

– Ngài đến đây vì duyên cớ gì?

– Thưa Đại vương, Đại vương có muốn quyền ngự trị duy nhất toàn cõi Diêm-phù-đề này chăng?

– Dĩ nhiên trăm muốn.

Nghe thế, Thiên chủ bảo:

– Vậy hãy đưa Lomasakassapa về đây và ra lệnh cho vị ấy làm lễ tế đàn bằng cách giết thú vật, rồi Đại vương sẽ trở thành vĩ đại như Thiên chủ Sakka (tức Indra), thoát khỏi già chết và cầm quyền khắp cõi Diêm-phù-đề.

Rồi ngài ngâm vãn kệ đầu:

60. Đại vương sẽ giống hệt Indra,
Sẽ chẳng chết đi, cũng chẳng già,
Vĩ thử Kassapa nhận lệnh,
Tế đàn sinh vật tại cung vua.

Nghe lời ngài, vua sẵn sàng chấp thuận. Sakka bảo:

– Thế thì đừng chậm trễ.

Rồi ngài biến mất. Hôm sau, vua triệu vị quốc sư tên Sayha đến bảo:

– Này Tôn giả, xin đến gặp thân hữu Lomasakassapa của trăm và nhân danh trăm nói với người như vậy: “Nếu Đại vương khuyến dụ được ngài làm lễ hiến tế sinh vật, Đại vương sẽ trở thành vị chúa độc nhất ở toàn cõi Diêm-phù-đề và sau đó sẽ ban ngài nhiều vùng lãnh thổ như ý ngài muốn. Vậy xin ngài cùng đi với tôi về làm lễ tế đàn!”

Vị ấy đáp:

– Tôi Đại vương, xin vâng.

Sau đó, dùng trống lệnh truyền tìm chỗ vị khổ hạnh cư trú và khi có người

kiếm lâm bảo: “Tiểu thần biết”, Sayha liền đi theo sự hướng dẫn của y cùng một đoàn tùy tùng đông đảo đến kính lễ vị Hiền nhân và vừa cung kính ngồi một bên vừa trình thông điệp của vua. Vị Hiền nhân liền bảo:

– Nay Sayha, Tôn giả nói gì vậy?

Rồi ngài ngâm bốn vần kệ từ chối vị này:

61. Không hải đảo nào giữa đại dương,
Được người canh giữ thật an toàn,
Hòng mong lời cuốn ta, Tôn giả,
Vào việc bạo tàn đại bất lương.
62. Lòng tham lợi dưỡng với vinh danh,
Tội ác từ đây vẫn phát sinh,
Đưa đến khổ ưu không gián đoạn,
Ác hành tai hại đáng chê khinh!
63. Thà làm kẻ khốn khó ly gia,
Khát thực kiếm ăn khắp mọi nhà,
Hơn phải tạo nên điều tội lỗi,
Sẽ mang ô nhục trút đầu ta.
64. Thà cầm bình bát ở trong tay,
Để tránh thật xa tội lỗi này,
Hơn chiếm được toàn quyền quốc độ,
Nhờ hành động ác độc như vậy.

Sau khi nghe ngài nói, vị quốc sư ra về trình vua. Vua suy nghĩ: “Nếu vị ấy không chịu đến đây thì ta làm gì được!” rồi ngồi im lặng. Nhưng nửa đêm, Thiên chủ Sakka lại đến đứng trên không và bảo:

– Thưa Đại vương, tại sao Đại vương không truyền gọi ả sĩ Lomasakassapa về và ra lệnh vị ấy làm lễ hiến tế súc vật?

– Khi được lệnh truyền gọi, vị ấy đã từ chối về đây.

– Thưa Đại vương, hãy trang điểm cho Công chúa Candavatī (Nguyệt Nương), ái nữ của Đại vương và nhờ chính tay Sayha đưa nàng đi và bảo vị ấy: “Nếu Tôn giả muốn về dâng tế lễ, Chúa thượng sẽ ban thưởng công nương này làm vợ ngài.” Rõ ràng vị ấy sẽ sinh lòng say mê công chúa và về đây.

Vua sẵn sàng chấp thuận và hôm sau nhờ chính tay Sayha đưa công chúa đi. Sayha đem công chúa đến đó và sau lời chào hỏi thông thường cùng ca ngợi vị Hiền giả, vị quốc sư bảo đưa đến trình diện với ngài nàng công chúa điểm lệ khả ái như tiên nữ cung kính đứng xa xa. Vị khổ hạnh mất ngay giới đức khi nhìn thấy nàng và chỉ nhìn thế thôi, ngài đã tiêu tan hết thiên lực. Vị quốc sư thấy ngài đã đắm say luyến ái nàng, liền bảo:

– Thưa Tôn giả, nếu Tôn giả muốn hiến tế, Chúa thượng sẽ ban công chúa này về làm vợ ngài.

Ngài rung động vì mãnh lực của tham dục liền hỏi:

- Chắc hẳn Chúa thượng sẽ ban nài cho ta chứ?
- Đúng vậy, nếu ngài làm tế lễ, Chúa thượng sẽ ban nài cho ngài.
- Tốt lắm. Nếu ta được nài, ta sẽ làm lễ hiến tế.

Rồi đem nài đi cùng ngài ngay lúc ấy với các chòm tóc bện của một vị khổ hạnh và mọi thứ khác, ngài leo lên chiếc vương xa lộng lẫy đi về Ba-la-nại. Còn vua ngay khi nghe tin ngài chắc hẳn sẽ đến đó, liền chuẩn bị lễ đàn ở hồ hiến tế sinh vật.

Khi thấy ngài đã đến, vua bảo:

– Nếu hiền hữu dâng lễ hiến tế, trăm sẽ sánh ngang với Thiên chủ Indra và khi tế lễ hoàn tất, trăm sẽ ban công chúa cho hiền hữu.

Vị khổ hạnh Kassapa sẵn sàng chấp thuận. Vì thế hôm sau, vua cùng Công chúa Candavatī đi đến hồ hiến tế sinh vật. Tại đó có đủ loại súc vật bốn chân như voi, ngựa, bò đực và các loài khác đặt thành một dãy. Ấn sĩ Kassapa lãnh việc hiến tế bằng cách giết chết tất cả bọn chúng.

Lúc ấy, thần dân tụ tập quanh đó bảo:

– Hỡi Tôn giả Lomasakassapa, việc này không thích hợp cũng không xứng đáng với ngài, tại sao ngài làm như vậy?

Và vừa than vừa khóc, họ vừa ngâm hai vắn kệ:

65. Nhật, nguyệt đều mang đại lực thần,
Thủy triều không nhượng lực phạm trần,
La-môn, đạo sĩ đầy oai lực,
Song vẫn kém xa lực nữ nhân.
66. Nguyệt Nương cũng vậy, đã làm cho
Ca-diếp hiền nhân mắc tội to,
Thúc giục ngài theo lời Chúa thượng,
Tế đàn sinh vật tại cung vua.

Vào lúc này, để bắt đầu tế lễ, Kassapa nhắc bảo kiếm lên để đánh vào cổ vương tượng. Con voi thấy thanh kiếm, kinh hoàng vì sợ chết, liền rống thật lớn. Khi nghe tiếng voi rống, các súc vật kia, cả bảy voi, ngựa, bò đực vì sợ chết, đồng rống lên thật lớn và quần chúng cũng kêu thét lên.

Kassapa nghe các tiếng rống kia, lòng xúc động và nghĩ lại các chòm tóc bện của mình. Lúc ấy, ngài nhớ đến các chòm tóc, râu và lông phủ khắp ngực và toàn thân, đầy hôi hạp, ngài kêu lớn:

– Than ôi, ta đã phạm ác nghiệp không xứng đáng với tính cách của ta!

Rồi ngài ngâm vắn kệ thứ tám bày tỏ xúc động của mình:

67. Ác nghiệp này ta đã muốn làm,
Chính là kết quả của lòng tham,

Cái mầm dục vọng đang tăng trưởng,
Gốc rễ nó, ta quyết cắt ngang.

Sau đó, vua phán:

– Nay hiền hữu, đừng sợ, hãy dâng tế lễ và ngay bây giờ trẫm sẽ ban cho hiền hữu Công chúa Candavatī cùng với vương quốc của trẫm và cả một đồng châu báu cao ngất nữa!

Nghe thế, ả sĩ Kassapa đáp:

– Tâu Đại vương, ta không muốn tội ác này tràn ngập tâm ta.

Rồi ngài ngâm vần kệ kết thúc:

68. Đáng ghét bao tham dục thể thường,
Thà theo khổ hạnh tốt lành hơn,
Ta làm ả sĩ, nguyện ly dục,
Ngài giữ nước nhà với Nguyệt Nương.

Cùng với những lời này, ngài tập trung vào một đối tượng thiền quán. Khi phục hồi được định lực đã mất, ngài ngồi bắt chéo chân trên không, thuyết pháp cho vua, khuyên nhủ vua tinh cần làm thiện sự và bảo vua hủy bỏ tế đàn cùng ban lệnh ân xá cho quần chúng. Rồi thể theo lời thỉnh cầu của vua, ngài bay lên không trở về nơi an trú của mình. Trong thời gian ngài còn sống, ngài tu tập các Phạm trú viên mãn (bốn vô lượng tâm) và được sinh lên Phạm thiên giới.

Sau pháp thoại, bậc Đạo sư tuyên thuyết các sự thật. Lúc kết thúc các sự thật, vị Tỷ-kheo có tâm thể tục đã đắc Thánh quả A-la-hán.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Thuở ấy, vị đại quốc sư là Sāriputta và vị khổ hạnh Lomasakassapa chính là Ta.

§434. CHUYỆN CHIM HỒNG NGÀ (*Cakkavākajātaka*) (J. III. 520)

Đôi chim lông óng ả, màu vàng...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo tham lam.

Người ta bảo vị ấy tham muốn các vật dụng cần thiết trong đời sống xuất gia và bỏ quên mọi phận sự của một Sư trưởng và Giáo thọ sư hướng dẫn đệ tử, thường vào thành Sāvattthi thật sớm. Sau khi ăn cháo gạo tuyệt hảo với nhiều loại thực phẩm loại cứng tại nhà nữ cư sĩ Visākhā, lại suốt ngày ăn thêm nhiều loại cao lương mỹ vị với cơm thịt mà vẫn chưa thỏa mãn, ông đi từ đó đến nhà ông Tiểu Cấp Cô Độc, cung vua xứ Kosala và nhiều nơi khác nữa. Vì thế một hôm, có cuộc thảo luận tại pháp đường, liên hệ đến tính tham lam của ông. Khi bậc Đạo sư biết đề tài Tăng chúng đang thảo luận, Ngài truyền đưa vị Tỷ-kheo đến và hỏi có thật ông tham lam chăng. Và khi ông đáp:

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Bậc Đạo sư hỏi:

– Nay Tỷ-kheo, tại sao ông tham lam? Ngày xưa cũng vì tham ăn, không thỏa mãn với những xác voi chết, ông đã rời Ba-la-nại, lang thang quanh quần bên bờ sông Hằng và vào tận vùng Tuyết sơn.

Và sau đó, Ngài kể một chuyện quá khứ.

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì tại Ba-la-nại, một con quạ tham lam đi quanh quần ăn xác voi chết và không thỏa mãn, nó nghĩ: “Ta muốn ăn mỡ cá trên bờ sông Hằng.” Rồi sau vài ngày ở tại đó ăn cá chết, nó vào vùng Tuyết sơn sống bằng các loại quả rừng.

Khi đến một hồ sen rộng có nhiều rùa cá, nó thấy hai con chim thiên nga với bộ lông vàng óng ả sống bằng cây rong sevāla, nó nghĩ: “Đôi chim này thật mỹ lệ, đầy hảo tướng. Thức ăn của chúng chắc phải thích thú lắm. Ta muốn hỏi chúng đó là thức ăn gì, rồi cũng ăn như thế và ta sẽ có màu lông óng ả kia.” Vì vậy quạ đến gần, sau lời chào hỏi ân cần theo thông lệ với đôi chim khi chúng đang đậu trên ngọn cây, quạ ngâm vần kệ ca ngợi chúng:

69. Đôi chim lông óng ả, màu vàng,
Quanh quần đó đây, lạc thú tràn,
Chim loại gì, người yêu mến nhất,
Là điều ta muốn biết cho tường.

Nghe vậy, hồng nga ngâm vần kệ thứ hai:

70. Đây quạ, vượt lên mọi dã cầm,
Hồng nga được hạnh phúc ban ân,
Mọi miền vang dậy tình thân ái,
Người lẫn chim đều vẫn tán dương,
Hãy biết hồng nga là ngỗng đỏ,
Bạo gan vùng vẫy nước sông Hằng.

Nghe vậy, quạ ngâm vần kệ thứ ba:

71. Trái gì sung mãn ở trên sông,
Tìm thấy “thịt” cho bạn ngỗng hồng?
Hãy nói món trời cho ngỗng hưởng,
Để sinh sắc đẹp, lực tăng cường?

Hồng nga liền ngâm vần kệ thứ tư:

72. Chẳng trái gì ăn ở giữa sông,
Và đâu có “thịt” với chim hồng,
Sevāla ấy đem chà vỏ,
Làm thức ăn không có lỗi lầm.

Sau đó, quạ ngậm hai vản kệ:

73. Ta chẳng thích lời ấy, ngỗng hồng,
Trước kia ta thường thức cần dùng,
Để nuôi ta sống, cần phù hợp,
Với dáng bề ngoài ta ước mong.
74. Nay ta nghi hoặc, bởi ta ăn,
Gạo, muối, dầu, bơ, thịt, quả ngon,
Như các anh hùng say yến tiệc,
Khi vừa trở lại khỏi hoàn môn.
- Vậy ta thường thức đầy hương vị,
Song dầu ta đang sống thật sang,
Hình dáng bề ngoài ta vẫn thế,
Bên hồng nga chẳng thể ngang bằng!

Sau đó, hồng nga bảo cho quạ biết lý do tại sao quạ không đạt được dung sắc mỹ lệ trong khi chính hồng nga đã đạt được qua các vản kệ còn lại:

75. Không thỏa vì hoa quả rớt rơi,
Trong vùng nghĩa địa hỏa thiêu người,
Tham lam, quạ vẫn bay lơ lửng,
Săn đuổi môi ngon cảm dỗ hoài.
76. Song những ai mong phạm ác hành,
Chỉ vì dục lạc giết sinh linh,
Lương tâm giày xéo thân mòn mỏi,
Vẻ đẹp tráng cường hủy hoại nhanh.
77. Vậy các thiện nhân chẳng hại ai,
Hình dung cường tráng, vẻ xinh tươi,
Bởi vì mỹ sắc, ta cần biết,
Chẳng phải thuộc vào thực phẩm thôi.

Như vậy, hồng nga dùng nhiều phương tiện chỉ trích quạ. Sau khi quạ bị khiển trách như vậy, nó bảo:

- Ta chẳng muốn có sắc đẹp của hồng nga nữa.
Và nó bay đi xa với tiếng kêu quác quác.

Sau pháp thoại, bậc Đạo sư tuyên thuyết các sự thật. Lúc kết thúc các sự thật, vị Tỷ-kheo tham lam đã đắc Nhị quả (Nhất lai).

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, con quạ là Tỷ-kheo tham lam này, hồng nga mái là mẫu thân Rāhula và hồng nga trống chính là Ta.

§435. CHUYỆN ƯỚC MƠ CHÓNG PHAI TÀN

(*Haliddirāgajātaka*)⁷ (J. III. 524)

Trong chốn rừng hoang vắng một mình...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về một chàng thanh niên bị một thiếu nữ thô tục cám dỗ. Câu chuyện này sẽ được nói rõ trong chương XIII, *Chuyện tiểu đạo sĩ Nārada*.⁸

Bấy giờ, theo cổ tích này, cô thiếu nữ biết rằng nếu chàng thanh niên không hạnh phả hủy giới đức, chàng sẽ rơi vào uy lực của nàng. Rồi nghĩ cách dụ dỗ chàng và đưa chàng trở lại trần tục, nàng bảo:

– Giới đức được phòng hộ cẩn mật ở rừng sâu, nơi các đặc tính của dục lạc như sắc đẹp, tiếng hay và các thứ tương tự như thế không có mặt, nên giới đức ấy không mang lại nhiều kết quả; song nó sẽ mang kết quả sung mãn trong cõi đời thế tục khi đối diện trực tiếp với sắc đẹp cùng các thứ kia. Vậy chàng hãy đi cùng thiếp về phòng hộ giới đức tại đó!

Và nàng ngâm vãn kệ đầu:

78. Trong chốn rừng hoang vắng một mình,
Con người có thể giữ tâm lành,
Dễ dàng chịu đựng trò lời cuốn.
Song ở thôn quê hoặc thị thành,
Đây rẫy biết bao mùi cám dỗ,
Người vờn đến hạnh phúc tối cao minh.

Khi nghe vậy, chàng trai khổ hạnh trẻ tuổi đáp:

– Cha ta đã vào rừng. Khi người trở lại, ta sẽ xin phép người và đi theo nàng.

Nàng suy nghĩ: “Có lẽ chàng còn thân phụ. Nếu vị ấy thấy ta ở đây, vị ấy sẽ lấy đầu mũi đòn gánh đánh chết ta. Ta phải chạy trốn trước.” Vì thế, nàng bảo chàng trai:

– Thiếp sẽ ra đi lên đường về trước chàng và để lại dấu chân, sau đó chàng cần phải đi theo thiếp.

Khi nàng đã đi rồi, chàng không đem củi về, cũng không lấy nước uống mà chỉ ngồi thờ người suy nghĩ miên man, đến khi cha về chàng cũng không ra đón. Vì thế, cha chàng hiểu con ngài đã rơi vào uy lực của nữ nhân, liền bảo:

– Này con, sao con chẳng tìm củi hay mang nước về uống, cũng chẳng có gì ăn, sao con chẳng làm gì cả mà chỉ ngồi thờ người ra suy nghĩ?

⁷ Tham chiếu: J. III. 148, *Araññajātaka* (Chuyện chốn rừng hoang), số §348; J. IV. 219, *Cullanāradajātaka* (Chuyện tiểu đạo sĩ Nārada), số §477; Dh. v. 391; *Pháp cú kinh, Phạm chí phẩm* 法句經梵志品 (T.04. 0210.35. 0572b20); *Xuất diệu kinh, Phạm chí phẩm* 出曜經梵志品 (T.04. 0212.34. 0768c14); *Pháp tập yếu tụng kinh, Phạm chí phẩm* 法集要頌經梵志品 (T.04. 0213.33. 0798a01).

⁸ Xem J. IV. 219, *Cullanāradajātaka* (Chuyện tiểu đạo sĩ Nārada), số §477.

Chàng trai khổ hạnh đáp:

– Thừa cha, người ta nói rằng giới đức được phòng hộ trong rừng hoang không đem lại kết quả mấy nhưng nó sẽ phát sinh nhiều kết quả giữa cõi đời. Con muốn đi phòng hộ giới đức tại đó. Bạn đồng hành của con đã đi trước và bảo con theo sau. Vậy con muốn đi cùng bạn con nhưng khi sống tại đó, con phải cư xử theo cách nào?

Vừa hỏi câu này, chàng vừa ngâm vãn kệ thứ hai:

79. Thừa cha, xin giải tỏa nghi nan,
Ví lẽ con đi lạc bước đường,
Từ chốn rừng này vào xóm nọ,
Người nào giữ đức độ hiền lương,
Hay là môn phái nào tu tập,
Con phải noi theo thật chánh chơn?

Sau đó, thân phụ chàng ngâm các vãn kệ còn lại:

80-81. Một kẻ nào con tín nhiệm luôn,
Và con tạo được mối yêu thương,
Người này tin cậy lời con nói,
Tỏ với con kiên nhẫn nhịn nhường,
Người ấy chẳng bao giờ phạm lỗi,
Về lời nói, ý tưởng hay thân,
Hãy đem người ấy vào lòng dạ,
Theo sát người kia tựa bạn vàng.

82-83. Với hạng người thay đổi lạ lùng,
Như loài khỉ vượn nhảy lung tung,
Tính tình bất định thì con nhớ,
Đừng hướng tâm giao kết bạn cùng,
Dù số phần con quanh quẩn mãi,
Một mình tro trọi ở trong rừng.

84. Hãy tránh xa đường hướng ác hành,
Như con tránh rắn dữ cho nhanh,
Hay như người lái xe xa lánh,
Một lối đi gai góc gập ghềnh!

85-86. Các nỗi khổ đau vẫn ngập tràn,
Khi người hầu cận hạng si cuồng,
Đừng giao kết bọn người ngu xuẩn,
Lời nói của cha phải phục tuân,
Làm bạn với phường vô tri ấy,
Chỉ làm mối khổ não đau buồn.

Khi được cha khuyên giáo như vậy, chàng trai đáp:

– Nếu con đi đến chỗ người đòi, con không thể tìm được các bậc hiền trí như cha. Con sợ đến đó lắm rồi. Con muốn ở lại đây hầu cận bên cha.

Sau đó, phụ thân chàng lại khuyến giáo nhiều hơn nữa và dạy chàng các nghi thức tu tập đưa đến thiền định vi diệu. Rồi chẳng bao lâu, chàng trai phát triển các thắng trí và các thiền chứng, về sau chàng cùng cha đều được sinh lên cõi Phạm thiên.

Sau pháp thoại, bậc Đạo sư tuyên thuyết các sự thật. Lúc kết thúc các sự thật, vị Tỷ-kheo mơ tưởng thế tục đã đắc Sơ quả (Dự lưu).

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, vị khổ hạnh trẻ tuổi là Tỷ-kheo có tâm hướng về thế tục này, cô gái thuở ấy là cô gái ngày nay và cha chàng chính là Ta.

§436. CHUYỆN CÁI HỘP (*Samuggajātaka*) (J. III. 527)

Kìa đến từ đâu, các bạn ta...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo có tâm hướng đến thế tục. Chuyện kể rằng, bậc Đạo sư hỏi có thật vị ấy đang tham đắm thế tục chẳng và khi ông thú nhận đúng như vậy. Ngài bảo:

– Nay Tỷ-kheo, tại sao ông ham muốn nữ nhân? Nữ nhân thật là độc ác, vô ơn. Ngày xưa, các ác quỷ (*asura*) nuốt nữ nhân vào bụng, và dù canh giữ nữ nhân trong bụng, chúng cũng không thể làm cho nữ nhân trung thành với một nam nhân được. Vậy thì bằng cách nào ông sẽ có khả năng làm chuyện ấy.

Rồi sau đó, Ngài kể một chuyện đời xưa.

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát từ bỏ dục lạc thế gian, vào vùng Tuyết sơn theo đời sống tu tập, ngài ở đó sống bằng quả rừng và phát triển các thắng trí cùng các thiền chứng.

Không xa thảo am của ngài, có một ác quỷ. Thịnh thoảng nó đến gần bậc Đại sĩ và nghe pháp nhưng vẫn đứng nơi cánh rừng, chỗ giao lộ có nhiều người tu tập, nó bắt họ và ăn thịt.

Thời ấy, có một nữ nhân quý tộc ở quốc độ Kāsi, cực kỳ diễm lệ, sống ở một làng biên địa. Một hôm, nàng đi thăm cha mẹ và khi trở về, ác quỷ này thấy bọn người theo hộ tống nàng liền hóa hình khủng khiếp nhảy vào họ. Bọn người này đánh rơi khí giới cầm trong tay và chạy trốn. Ác quỷ thấy giai nhân ngồi trên xe ngựa, đâm ra say mê nàng, liền đem nàng về hang làm vợ.

Từ đó, ác quỷ đem cho nàng bơ, sữa, gạo, cá, thịt và các món ăn khác, cùng trái cây để ăn và điểm trang nàng với đủ thứ y phục, châu báu. Để canh giữ nàng cho an toàn, nó đặt nàng vào một cái hộp, rồi nuốt vào bụng và giữ nàng

trong bụng. Một hôm, nó muốn tắm, liền đến hồ nước kéo hộp ra và đem nàng ra ngoài. Nó tắm rửa, thoa dầu thơm cho nàng và khi đã mặc xiêm y cho nàng xong, nó bảo:

– Nàng hãy vui chơi giấy lát ngoài trời!

Rồi không nghi ngờ có sự nguy hại nào, ác quỷ đi hơi xa để tắm. Vừa lúc ấy, chàng trai con của Vāyu, một tà thuật sư, đeo kiếm bên lưng, đang du hành trên không. Khi nàng thấy y, nàng đưa tay theo kiểu làm dấu hiệu cho y đến gần.

Tà thuật sư liền đáp xuống đất. Sau đó, nàng đặt y vào hộp rồi ngồi lên đó, đợi ác quỷ đến, trước khi nó bước lại gần chiếc hộp, nàng mở hộp ra và bước vào, nằm trên vị tà thuật sư, lấy xiêm áo của nàng phủ lên người y. Ác quỷ đến nơi, không quan sát kỹ chiếc hộp cứ tưởng chỉ có cô nàng nên lại nuốt hộp vào bụng và trở về hang.

Trong khi đi đường, nó suy nghĩ: “Đã lâu lắm từ khi ta thăm vị ân sĩ khổ hạnh. Hôm nay, ta muốn đi đánh lễ ngài.” Còn ngài đã thấy nó từ đằng xa, biết rằng có hai người trong bụng ác quỷ nên ngài ngâm vần kệ đầu bảo nó:

87. Kìa đến từ đâu, các bạn ta?
 Chào mừng ba vị đến thăm nhà,
 Vui lòng ở với ta giấy lát,
 Ta chắc các ngươi sống thuận hòa,
 Hạnh phúc vì lâu ngày chẳng thấy,
 Vị nào qua lại chốn đường xa.

Khi nghe vậy, ác quỷ suy nghĩ: “Ta đã đến đây một mình để thăm vị khổ hạnh này và ngài lại nói có ba người, ý ngài muốn ám chỉ gì vậy? Ngài nói vì biết rõ hiện trạng mọi việc, hay ngài hóa điên và nói nhảm nhí?” Sau đó, nó đến gần ngài kính cẩn ngồi một bên và ngâm vần kệ thứ hai đàm đạo với ngài:

88. Tôi đến thăm ngài chỉ một thân,
 Chứ không người, vật khác đi cùng,
 Cớ sao ngài nói, thưa Tôn giả,
 “Kìa đến từ đâu, các bạn vàng,
 Tất cả ba người cùng đủ mặt,
 Hôm nay quả thật đáng chào mừng!”

Vị khổ hạnh này đáp:

– Ngươi có thật sự muốn nghe lý do chẳng?
– Thưa vâng, bạch Thánh giả.
– Vậy hãy nghe đây!

Ngài đáp và ngâm vần kệ thứ ba:

89. Hãy biết rằng ngươi với vợ ngươi,
 Năm yên trong hộp ấy là hai,

Được canh phòng kỹ trong lòng kín,
Chơi với Vâyу tử thật vui!

Khi nghe vậy, ác quỷ suy nghĩ: “Các tà thuật sư chắc chắn phải đầy các trò xảo quyệt, giả sử hắn cầm kiếm trong tay và rạch bụng ta ra để trốn thoát thì sao?” Và vô cùng hốt hoảng, ác quỷ nhả chiếc hộp ra, đặt trước mặt nó.

Bồ-tát muốn làm sáng tỏ vấn đề với trí tuệ tối thắng của ngài, liền ngâm vần kệ thứ tư:

90. Ác quỷ vì gương thấy hải kinh,
 Nhả ra chiếc hộp tự trong mình,
 Đặt ngay xuống đất nhìn cô vợ,
 Trang điểm vòng hoa thật đẹp xinh,
 Như thể cô dâu cùng chú rể,
 Vâyу tử nọ hưởng men tình!

Chiếc hộp vừa được mở ra thì vị tà thuật sư niệm thần chú, vừa chụp thanh kiếm vừa vụt lên không. Khi thấy vậy, ác quỷ hài lòng với bậc Đại sĩ đến độ nó ngâm các vần kệ được gọi cảm hứng cốt để ca tụng ngài:

- Thánh giả, nhãn quan thấy rõ ràng,
 Đắm chìm hạ liệt bọn nam nhân,
 Làm thân nô lệ cho nhi nữ,
 Tôi giữ nó vào trong bụng luôn,
 Như chính đời tôi, song khốn nạn,
 Nó chơi trò mất nết hư thân.
91. Ngày đêm săn sóc nó, canh chừng,
 Như ản sĩ chăm chút lửa rừng,
 Song nó vẫn sa vào tội lỗi,
 Vượt ngoài vòng đạo lý công bằng,
 Dính vào nữ giới, tất nhiên phải
 Gánh chịu bao ô nhục cuối cùng.
- 92-93. Tưởng giấu trong mình chẳng thấy ai,
 Nó là sở hữu của riêng tôi,
 Song tên nó chính là “dâm phụ”,
 Nó phạm tội kia trái đạo trời,
 Liên lụy nữ nhân ắt phải chịu,
 Nhận bao ô nhục đến tận đời.
94. Bọn nam nhi thật chỉ hoài công
 Địch với ngàn mưu chước nữ nhân,
 Tin tưởng phòng hộ là chắc chắn,
 Giống như vực thăm cứ xuôi dãn,
 Xuống miền địa ngục, bao chàng ngốc,
 Nó đã lôi vào chỗ diệt vong.

95. Người tránh lối đường của nữ nhi,
Sống đầy hạnh phúc, thoát sầu bi,
Thấy niềm cực lạc trong cô tịch,
Xa lánh hồng nhan phản bội kia!

Cùng với những lời này, ác quỷ quỷ xuống chân bậc Đại sĩ, vừa tán thán ngài vừa nói:

– Bạch Thánh giả, con đã được ngài cứu mạng. Vì nữ nhân độc ác kia, con suýt bị tà thuật sư giết chết.

Sau đó, Bồ-tát thuyết pháp cho nó và bảo:

– Đừng làm hại nàng ấy! Hãy giữ giới hạnh!

Rồi ngài an trú nó vào ngũ giới. Ác quỷ nói:

– Dù con đã giữ nó trong bụng, con vẫn không thể giữ nó an toàn được. Vậy còn ai giữ được nó nữa?

Vì thế, nó thả cho nàng đi, rồi trở về hang cũ trong rừng.

Sau pháp thoại, bậc Đạo sư tuyên thuyết các sự thật. Lúc kết thúc các sự thật, vị Tỷ-kheo có tâm thế tục đã đắc Sơ quả (Dự lưu).

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, vị khổ hạnh có thần thông chính là Ta.

§437. CHUYỆN CHÓ RỪNG PŪTIMAMSA (*Pūtimamsajātaka*) (J. III. 532)

Sao Pūti lại ngó trừng trừng...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc ngụ tại Kỳ Viên về việc chế ngự dục tham.

Có một thời, nhiều Tỷ-kheo không phòng hộ các căn môn. Bậc Đạo sư bảo Trưởng lão Ānanda:

– Ta phải giáo huấn các Tỷ-kheo này.

Và do Tăng chúng thiếu sự điều phục thân tâm, Ngài triệu tập các Tỷ-kheo lại rồi ngồi trên bảo tòa được trang hoàng lộng lẫy, Ngài bảo các vị:

– Nay các Tỷ-kheo, thật không chính đáng khi một Tỷ-kheo chịu sự chi phối của sắc đẹp cá nhân (tịnh tướng) khiến vị ấy sinh lòng luyến ái các đặc điểm thể chất hoặc tinh thần của con người. Vì giả sử vị ấy chết ngay lúc ấy, vị ấy sẽ bị tái sanh vào địa ngục, ác thú, đọa xứ; vậy các ông đừng sinh tâm luyến ái các đặc điểm thể chất cùng các thứ tương tự như thế. Một Tỷ-kheo không nên để tâm đến các đặc điểm tinh thần hay thể chất. Những ai làm như vậy ngay trong cảnh đời hiện tại này đều hoàn toàn bị hủy hoại. Vì thế, nay các Tỷ-kheo, con mắt tham dục cần phải được tiếp xúc với cái đỉnh sắt nóng đỏ mới có ích lợi.

Đến đây, Ngài nói thêm chi tiết:

– Có lúc các ông cần quán sát tịnh tướng và có lúc các ông dừng quan tâm đến nó. Vào lúc quán sát tịnh tướng, đừng quán sát nó dưới ảnh hưởng của vật khả ái nhưng hãy quán sát nó dưới ảnh hưởng của vật bất khả ái. Như vậy, các ông sẽ không bị đọa lạc khỏi trú xứ chân chánh của mình. Và trú xứ này của các ông là gì? Đó chính là bốn thiền quán chơn chánh, Thánh đạo tám ngành và chín trú xứ siêu việt. Nếu các ông đi đúng trong lĩnh vực chơn chánh này của mình, Ác ma sẽ không tìm được lối vào; song nếu các ông bị tham dục chi phối và quán sát sự vật dưới ảnh hưởng của tịnh tướng cá nhân như con chó rừng Pūtimamsa thì các ông sẽ bị đọa lạc khỏi trú xứ chân chánh của mình.

Và cùng với các lời này, Ngài kể một chuyện quá khứ.

Ngày xưa, dưới triều đại Vua Brahmadata, quốc vương ở Ba-la-nại, hàng trăm con dê rừng trú trong một hang núi tại vùng rừng rậm trên sườn dãy Tuyết sơn. Không xa chỗ ở của chúng, có con chó rừng tên là Pūtimamsa sống trong hang với vợ nó là Venī.

Một hôm, nó quanh quẩn cùng vợ, rình rập bầy dê và suy nghĩ: “Ta phải tìm cách ăn thịt mấy con dê này.” Rồi nhờ mưu mẹo, nó giết được một con dê. Cả hai vợ chồng nó nhờ ăn thịt dê nên trở thành lực lưỡng, đầy đà. Dần dần số dê giảm xuống. Trong số đó, có con dê cái khôn ngoan tên là Melamātā. Dù nhiều mưu kế tài giỏi, chó rừng cũng không thể giết dê được nên lúc bàn luận với vợ, nó bảo:

– Nàng ơi, tất cả bầy dê đã chết hết. Chúng ta phải bày mưu ăn thịt dê cái này, giờ đây là kế hoạch của ta. Nàng phải đi một mình, làm thân với dê cái rồi khi niềm tin tưởng đã phát sinh giữa nàng và nó, ta sẽ nằm xuống giả vờ chết. Sau đó, nàng đến gần dê cái, bảo: “Bạn ơi, chồng tôi đã chết, tôi đang khốn khổ, trừ bạn ra tôi không có ai cả. Vậy hãy đến đây cùng tôi than khóc và chôn xác chồng tôi!” Và cùng với những lời này, nàng hãy đến đưa dê lại đây với nàng. Sau đó, ta sẽ nhảy lên cắn cổ nó giết đi.

Chó cái sẵn sàng đồng ý. Sau cuộc kết giao bằng hữu với dê cái, khi lòng tin tưởng đã vững chắc, nó nói với dê cái những lời do chồng nó đưa ra. Dê cái đáp:

– Bạn ơi, cả họ hàng nhà tôi bị chồng nàng ăn thịt. Tôi sợ lắm, tôi không dám đi.

– Đừng sợ gì cả, chó chết rồi làm sao hại bạn được nữa?

– Chồng chị có ác ý lắm nên tôi sợ.

Nhưng sau khi bị nài nỉ van xin mãi, dê cái suy nghĩ: “Chắc có lẽ nó chết thật rồi” nên đồng ý đi với chó cái. Nhưng trên đường đi, nó suy nghĩ: “Ai biết chuyện gì sẽ xảy ra?” nên sinh lòng nghi ngờ, nó bảo chó cái đi trước và đề phòng chó đực rất tinh tế.

Chó đực nghe tiếng chân của chúng liền suy nghĩ: “Con dê đến rồi” nên ngẩng đầu lên và đảo mắt nhìn quanh. Dê cái thấy nó làm vậy liền nói: “Con chó khôn nạn độc ác này muốn dụ ta vào để giết ta, nó nằm kia giả vờ chết.” Dê cái quay đi và chạy trốn.

Khi chó cái hỏi tại sao nó chạy trốn, dê cái ngâm vần kệ đầu nêu lý do:

96. Sao Pūti lại ngó trừng trừng,
Vẻ chó nhìn dê thật ghét căm,
Vớ bạn thế, ta cần thận trọng,
Và nên chạy trốn thật nhanh chân.

Cùng với các lời này, dê quay đi và chạy thẳng về chỗ ở của nó. Chó cái không thể ngăn dê được, rất tức giận con dê và trở về bên chồng, ngồi than khóc. Lúc ấy, chó rừng trách mắng vợ qua vần kệ thứ hai:

97. Venī vợ đại, kém thông minh,
Lại khoe đã kết bạn thân tình,
Bơ vợ trong bụi, ngồi than khóc,
Vì bị Mela phỉnh gạt mình.

Nghe vậy, chó cái ngâm vần kệ thứ ba:

98. Chàng cũng chẳng khôn khéo tí nào,
Ngu si, chàng đã ngẩng đầu cao,
Trùng trùng, chàng mở to hai mắt,
Dù giả vờ nằm chết đó sao?
99. Người nào khôn khéo đúng thời cơ,
Biết nhắm mắt và mở mắt to,
Ai mở mắt nhìn không đúng lúc,
Như Pūti nọ, phải buồn lo.

Đây là vần kệ xuất phát từ trí tuệ tối thắng của đức Phật.

Nhưng chó cái lại an ủi Pūtimansa và bảo:

– Chàng ơi, đừng bực mình nữa, thiếp sẽ tìm cách mang dê lại đây và khi nó đến, chàng hãy canh chừng và chụp lấy nó!

Sau đó, nó đi tìm dê cái và bảo:

– Bạn ơi, bạn đến thăm thật ích lợi cho chúng tôi, vì ngay khi bạn vừa xuất hiện, chồng tôi đã hồi tỉnh và nay đã sống lại rồi, xin hãy đến đó nói chuyện thân tình với chàng!

Nói xong nó ngâm vần kệ thứ năm:

100. Tình bạn trước đây hãy phục hồi,
Xin đem bát cháo đến nhà tôi,
Chồng tôi tưởng chết nay hồi tỉnh,
Hãy viếng chàng, thăm hỏi thật vui.

Dê suy nghĩ: “Con chó cái khốn nạn độc ác này lại muốn dụ dỗ ta. Ta không nên hành động như một kẻ thù lộ diện mà ta sẽ tìm cách đánh lừa nó.” Dê liền ngâm vãn kệ thứ sáu:

101. Tình bạn cũ nay muốn phục hồi,
Ta đem bát cháo, dạ mừng vui,
Với đoàn hộ tống ta đi đến,
Ăn tiệc tung bừng, nhanh bước thôi.

Sau đó, chó cái hỏi thăm đoàn hộ tống của dê và ngâm vãn kệ thứ bảy:

102. Những ai hộ tống bạn bên mình,
Để đãi bạn, tôi phải nhiệt tình,
Danh tánh những ai thăm hỏi đó,
Xin cho tôi biết thật chân thành.

Dê ngâm kệ thứ tám đáp lời:

103. Chó sấn nâu xám, bốn mắt lồi,
Hình quỷ Jambu hộ tống tôi,
Thôi hãy về nhà, mau sửa soạn,
Dồi dào yến tiệc để chào mời!

Nó còn nói thêm:

– Mỗi chó hình quỷ này được năm trăm chó khác hộ tống, do vậy ta sẽ có một đoàn tùy tùng cả hai ngàn con chó canh giữ. Nếu chúng không thấy thức ăn, chúng sẽ giết luôn bạn và chồng bạn để ăn thịt đấy.

Nghe vậy, chó cái kinh sợ đến độ suy nghĩ: “Ta đã chán ngán việc nó đến thăm nhà ta rồi. Ta sẽ tìm cách ngăn nó đến.” Rồi chó cái ngâm kệ:

104. Đừng rời nhà bạn, kéo ta e,
Đồ đạc sẽ nhanh chóng mất đi.
Ta sẽ đem lời dê nhắn gửi,
Đứng yên, đừng nói nữa, ta về!

Cùng với những lời này, chó cái ra sức chạy vội vàng để tự cứu mạng và đem luôn cả chồng nó chạy theo. Rồi từ đó, chúng không bao giờ dám trở lại chỗ ấy nữa.

Bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại và nhận diện tiền thân:

– Thời ấy Ta là vị thần sống trên một cây cổ thụ tại khu rừng ấy.

§438. CHUYỆN CON GÀ GÔ (*Tittirajātaka*) (J. III. 536)

Nó đã ăn tươi bọn trẻ thơ...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại núi Linh Thứu về dự định của Devadatta mưu sát Ngài.

Chính vào thời ấy, Tăng chúng bắt đầu thảo luận tại pháp đường:

– Này các Hiền giả, than ôi, Devadatta thật là hạ liệt và vô liêm sỉ biết bao! Vị ấy kết hợp với Thái tử Ajātasattu lập mưu sát hại đức Phật Chánh Đẳng Giác bằng cách mua chuộc bọn xạ thủ, lăn đá xuống đồi và thả lỏng con voi Nālāgiri.

Bậc Đạo sư bước vào hỏi Tăng chúng đang bàn luận việc gì lúc hội họp và khi nghe kể đề tài câu chuyện, Ngài bảo:

– Không phải chỉ bây giờ mà xưa kia nữa, Devadatta cũng đã mưu giết Ta, song cũng không thể làm gì cho Ta kinh hãi được.

Rồi Ngài kể câu chuyện đời xưa.

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, có một giáo sư danh tiếng lừng lẫy thế giới tại Ba-la-nại dạy các học thuật cho năm thanh niên Bà-la-môn.

Một hôm, vị ấy suy nghĩ: “Bao lâu ta còn ở đây, ta sẽ gặp trở ngại cho đời tu hành và các đồ đệ ta cũng không hoàn thành việc học của họ. Ta muốn về ẩn dật trong thảo am trên sườn Tuyết sơn và dạy học ở đó.”

Vị ấy báo tin cho các đồ đệ, bảo họ đem mè, gạo xay, dầu, y phục hay đại loại như thế, rồi đi vào rừng dựng thảo am ở cạnh xa lộ. Mỗi vị đệ tử đều tự xây một thảo am cho mình. Thân quyến họ gửi gạo và các thứ kia, còn dân làng bảo nhau: “Người ta đồn một vị danh sư đang sống nơi kia trong rừng và thuyết giảng kiến thức học thuật”, liền đem quà, lúa gạo đến tặng; các người giữ rừng cũng tặng quà, lại có một người tặng bò cái và bê con để chur vị lấy sữa.

Bấy giờ, có một con tắc kè cùng hai con nó đến ở trong lều vị giáo sư và một con sư tử cùng một con cọp hầu hạ vị ấy. Một con gà gô cũng thường xuyên ở tại đó và do nghe giáo sư dạy thánh kinh cho đệ tử, con gà dần dần hiểu ba tập Vệ-đà. Các Bà-la-môn trở nên thân thiện với gà gô. Về sau, trước khi các thanh niên này đạt tinh thông các học thuật thì vị giáo sư mất. Các đệ tử đem thi hài thầy hỏa thiêu, dựng một mộ cát lên chỗ để tro, vừa than khóc vừa trang hoàng nơi ấy đầy đủ các loại hoa. Thấy vậy, gà gô hỏi tại sao họ khóc. Họ đáp:

– Thầy chúng ta đã mất trong khi việc học của chúng ta chưa hoàn mãn.

– Nếu chuyện là thế thì các vị đừng lo buồn nữa. Tôi sẽ dạy các vị kiến thức ấy.

– Làm sao gà biết được?

– Tôi thường nghe giáo sư của các vị trong lúc giảng dạy các vị nên đã học thuộc lòng ba tập Vệ-đà rồi.

– Thế gà hãy truyền cho chúng tôi những gì gà đã học thuộc lòng nhé!

Gà đáp:

– Nào lắng nghe đây!

Rồi gà thuyết giảng mọi điểm khúc mắc cho họ, dễ dàng như người đưa nước suối từ núi cao xuống. Các thanh niên Bà-la-môn vô cùng hân hoan và thu thập kiến thức từ con gà gô thông thái này. Con gà gô đậu trên chỗ giáo sư danh tiếng ấy thường ngồi và thuyết giảng về tri kiến Vệ-đà. Các thanh niên làm cho gà chiếc lồng vàng và buộc một tấm ván qua đó, cung cấp cho gà đủ mật ong, hạt ngũ cốc rang trong chiếc đĩa vàng, lại còn tặng đủ thứ hoa có màu sắc rực rỡ và tỏ vẻ vô cùng tôn kính gà gô.

Tiếng đồn vang dậy khắp Diêm-phù-đề rằng một con gà gô rừng đang dạy Thánh kinh cho năm trăm thanh niên Bà-la-môn. Vào lúc ấy, dân chúng mở lễ hội lớn, tụ tập cùng nhau trên đỉnh núi. Cha mẹ các thanh niên này gửi lời nhắn các con đến xem lễ hội. Họ liền kể chuyện con gà gô, rồi ủy thác gà gô cùng thảo am của họ cho tắc kè chăm nom và họ ra đi đến nhiều kinh thành.

Lúc ấy, một vị khổ hạnh lửa thể độc ác du hành đây đó bước tới chôn này. Khi thấy vị ấy, con tắc kè đến nói chuyện thân thiện và bảo:

– Ở chỗ này chỗ kia, ngài sẽ thấy gạo, dầu và các món khác. Hãy nấu cơm và ăn uống no nê!

Nói xong, nó ra đi kiếm mồi. Sáng sớm, kẻ ác kia nấu cơm và giết luôn hai tắc kè con ăn thịt, làm một món ngon lành. Đến trưa, y giết và ăn thịt luôn con gà gô thông thái và con bê; đến chiều tối, y vừa thấy con bò về nhà liền giết nó luôn để ăn thịt. Rồi y nằm ngủ ngáy vang dưới gốc cây. Xế chiều, tắc kè trở về thấy vắng hai con liền đi quanh tìm chúng. Một vị thần cây quan sát tắc kè đang run rẩy toàn thân vì không tìm được các con thơ, liền dùng thần lực đứng trong bông cây và nói:

– Nay tắc kè, đừng run nữa, các con nhỏ ấy cùng gà gô, bê con và bò cái đều bị kẻ độc ác này ăn thịt rồi. Hãy cắn vào cổ cho nó chết đi!

Vị thần vừa nói chuyện như vậy với tắc kè vừa ngâm vần kệ đầu:

105. Nó đã ăn tươi bợn trẻ thơ,
Dù con cho nó thật nhiều quà,
Răng con hãy cắn sâu vào cổ,
Đừng để ác nhân trốn thoát ra!

Sau đó, tắc kè ngâm hai vần kệ:

106. Thâm tâm của nó tạo bùn nhơ,
Chẳng khác áo người giữ trẻ thơ,
Tôi e toàn thể thân mình nó,
Chống đỡ rằng tôi mạnh lắm mà!

107. Lỗi làm kẻ hạ liệt vong ân,
Đều thấy khắp nơi thật rõ ràng,
Tâm nó chẳng bao giờ thỏa mãn,
Với bao tặng vật của trần gian.

Tắc kè nói xong, suy nghĩ: “Kẻ này sẽ thức dậy và ăn thịt ta.” Nó liền trốn đi để cứu mạng mình.

Bấy giờ, sư tử và cọp rất thân thiết với gà gô. Thỉnh thoảng, chúng thường đến thăm gà gô và đôi khi gà gô cũng bay đi thuyết pháp cho nó. Hôm ấy, sư tử bảo cọp:

– Chúng ta đi thăm gà gô đã lâu rồi, chắc cũng đã bảy tám ngày. Vậy bạn hãy đi đem tin tức của gà về đây!

Con cọp thỏa thuận và đi đến nơi đúng lúc con tắc kè đã chạy trốn, nó thấy kẻ gian ác ấy đang ngủ. Trên các bện tóc của y thấy có vài cái lông gà, gần đó lại có đồng xương bò cái và bê con. Cọp chúa trông thấy cảnh ấy, lại thiếu gà gô trong lòng vàng, liền suy nghĩ: “Các con vật này chắc đã bị kẻ ác nhân này giết hết rồi.” Nó đá mạnh đánh thức y dậy. Khi thấy cọp, y vô cùng sợ hãi. Rồi con cọp hỏi:

– Có phải người giết và ăn thịt các con vật này chẳng?

– Tôi chẳng giết cũng chẳng ăn thịt chúng.

– Kẻ khốn nạn ác độc kia, nếu anh không giết chúng thì hãy nói cho ta biết ai khác giết? Nếu anh không nói, anh phải chết đấy.

Sợ nguy đến tính mạng, y đáp:

– Vâng thưa ngài, tôi đã giết và ăn thịt các con tắc kè con, bò cái và bê con; song tôi không giết con gà gô.

Mặc dù y cứ phản đối mãi, cọp vẫn không tin y và bảo:

– Anh từ đâu đến đây?

– Tôi ngài, trước đây tôi bán hàng rong để kiếm sống ở xứ Kāliṅga và sau khi thử bán vài món xong thì tôi đến đây.

Nhưng sau khi người ấy đã kể hết mọi việc y làm, con cọp bảo:

– Đây ác nhân kia, nếu anh không giết gà gô thì còn ai khác làm việc đó? Đây, ta sẽ mang anh đến trước sư tử, chúa sơn lâm đấy.

Thế là cọp ra đi dẫn theo kẻ ấy trước mặt. Khi sư tử thấy cọp mang y đến, nó liền ngâm vần kệ thứ tư để đặt câu hỏi:

108. Đi đâu vội thể Subāhu,⁹
Sao kéo chàng trai trẻ thể ư,
Có việc gì cần, đây muốn biết,
Nói mau thành thật chớ chần chừ?

Nghe vậy, cọp ngâm vần kệ thứ năm:

109. Bạn quý gà gô của chúng ta,
Hôm nay, tôi đoán, hóa thành ma,

⁹ Xem J. III. 192, *Vaṇṇārohaṇṭaka* (Chuyện sắc đẹp), số §361.

Chuyện xưa kẻ ấy làm tôi sợ,
Nghe được hung tin của bạn gà.

Sau đó, sư tử ngâm vắn kệ thứ sáu:

110. Chuyện xưa của kẻ ấy ra sao,
Tội lỗi gì y thú nhận mau,
Đã khiến cọp nghi ngờ đại họa,
Xảy ra cho bạn quý ta nào?

Để trả lời sư tử, cọp chúa ngâm các vắn kệ còn lại:

111. Trong nước Kālīṅga nó bán rong,
Đi đường lỏm chồm, gây tay cầm,
Ở cùng bọn đánh đu nhào lộn,
Đánh bấy bao súc vật buộc chum.
Nó cũng thường chơi trò xúc xắc,
Lưới giăng bắt sống lũ chim muông,
Đánh nhau từng đám dùng đao trượng,
Nó kiếm lời nhờ việc đếm đong.

112. Phản bội lời thề, đánh nửa khuya,
Bị thương, nó chảy máu đầm dề,
Bàn tay nó cháy vì gan góc,
Chụp lấy thức ăn nóng vụng về,
Nghe nó sống đời tội tệ vậy,
Đó là tội ác chất đầu kia.

113. Vì ta đều biết con bò chết,
Giữa tóc người kia mấy sợi lông,
Xuất hiện nên tôi đây khủng khiếp,
Lo gà gô bạn ắt vong thân.

Sư tử chúa hỏi người kia:

- Thế anh đã giết gà gô thông thái rồi ư?
- Tôi chúa công, vâng, tôi đã giết.

Chúa sư tử nghe y nói thật nên muốn thả cho y ra đi nhưng cọp chúa bảo:

- Tên gian ác này đáng chết.

Và ngay tại chỗ, cọp dùng răng xé y tan xác. Rồi cọp đào hố quăng thây vào đó. Khi các thanh niên Bà-la-môn trở về, không thấy gà gô, họ than khóc và bỏ nơi ấy ra đi.

Sau pháp thoại, bậc Đạo sư bảo:

- Như vậy, này các Tỷ-kheo, ngày xưa Devadatta cũng đã lập mưu giết Ta.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, vị khổ hạnh là Devadatta, con tắc kè là Kisāgotamī, con cọp là Moggallāna, sư tử là Sāriputta, vị giáo sư lừng danh thế giới là Kassapa và gà gô thông thái chính là Ta.

